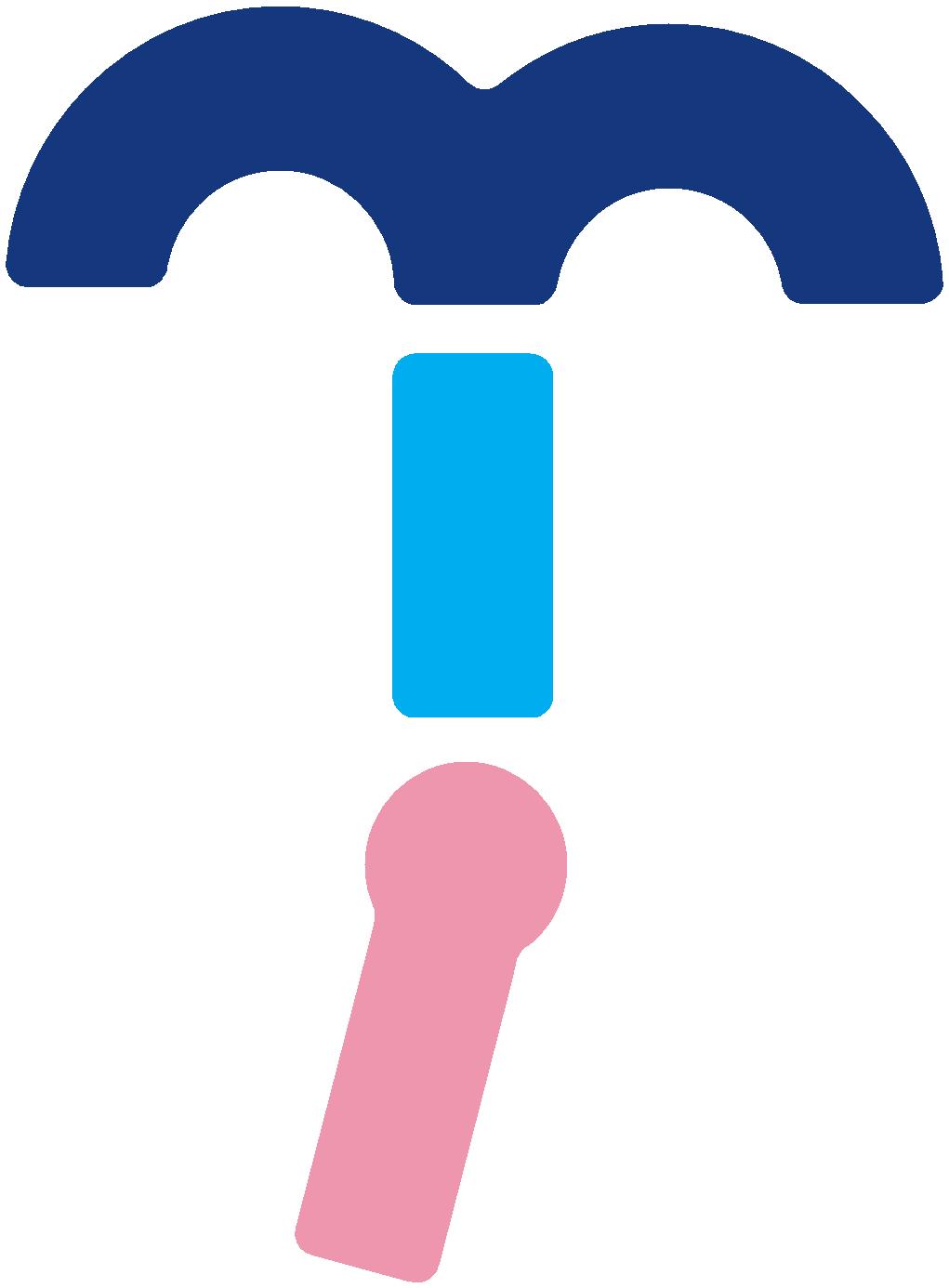
**Hướng dẫn MSI**

**Cung cấp dịch vụ**

**Dụng cụ tử cung**



Tên chính sách hoặc quy trình: Marie Stopes International: Hướng dẫn cung cấp dịch vụ dụng cụ tử cung (DCTC)/DCTC giải phóng Levonorgestrel

|  |  |
| --- | --- |
| Phiên bản: | V2.0 |
|  |  |
| Đối tượng áp dụng: | Tất cả những người cung cấp dịch vụ của MSI |
|  |  |
| Người phê duyệt: | Giám đốc kỹ thuật toàn cầu |
|  |  |
| Ngày ban hành: | Tháng 1/2019 |
|  |  |
| Ngày sửa đổi: | Tháng 1/2022 |

Chịu trách nhiệm: Nhóm Phát triển Dịch vụ Y tế

Contents

[MSI: Hướng dẫn cung cấp dịch vụ tránh thai: dụng cụ tử cung chứa đồng/dụng cụ tử cung giải phóng Levonorgestrel 5](#_Toc4101455)

[Mục tiêu 5](#_Toc4101456)

[Cấu trúc của tài liệu 6](#_Toc4101457)

[1.0 Có cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện thích hợp 7](#_Toc4101458)

[1.1 Những điểm chính 7](#_Toc4101459)

[1.1.1 Phương tiện và trang thiết bị đầy đủ, thích hợp 7](#_Toc4101460)

[1.1.2 DCTC thích hợp 8](#_Toc4101461)

[1.2 Nguy cơ chính 9](#_Toc4101462)

[2.0 Xác định khách hàng phù hợp 10](#_Toc4101463)

[2.1 Những điểm chính 10](#_Toc4101464)

[2.1.1 Khẳng định DCTC an toàn cho khách hàng 10](#_Toc4101465)

[2.1.2 Ký giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ DCTC 12](#_Toc4101466)

[2.2 Nguy cơ chính 12](#_Toc4101467)

[3.0 Đặt DCTC 13](#_Toc4101468)

[3.1 Những điểm chính 13](#_Toc4101469)

[3.1.1. Khách hàng đang dùng biện pháp tránh thai khác 14](#_Toc4101470)

[3.1.2. Đặt DCTC với kỹ thuật “không chạm” 15](#_Toc4101471)

[3.2 Nguy cơ chính 16](#_Toc4101472)

[4.0 Hoàn thành phần thăm khám và tư vấn 17](#_Toc4101473)

[4.1 Những điểm chính 17](#_Toc4101474)

[4.1.1 Các khía cạnh chính liên quan đến DCTC và tác dụng của DCTC 17](#_Toc4101475)

[4.1.2 Hoàn thành hồ sơ khách hàng 19](#_Toc4101476)

[4.2 Nguy cơ chính 19](#_Toc4101477)

[5.0 Tháo dụng cụ tử cung 20](#_Toc4101478)

[5.1 Những điểm chính 20](#_Toc4101479)

[5.2 Nguy cơ chính 22](#_Toc4101480)

[Phụ lục 23](#_Toc4101481)

[Phụ lục 1a: Thu thập cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ khi có đủ thông tin 23](#_Toc4101482)

[Phụ lục 1b: Mẫu giấy cam đoan tự nguyện đặt DCTC 24](#_Toc4101483)

[24](#_Toc4101484)

[Phụ lục 2a: Bảng kiểm sàng lọc khách hàng sử dụng DCTC 27](#_Toc4101485)

[Phụ lục 2b: Hiểu các câu hỏi sàng lọc khách hàng sử dụng DCTC 31](#_Toc4101486)

[Phụ lục 3: Những vấn đề đáng lưu ý với DCTC chứa đồng, DCTC giải phóng Levonorgestrel và cách xử trí 32](#_Toc4101487)

[Phụ lục 4a: Bộ dụng cụ đặt/tháo DCTC 33](#_Toc4101488)

[Phụ lục 4b: Đặt DCTC chứa đồng và DCTC giải phóng Levonorgestrel 34](#_Toc4101489)

[Phụ lục 5a: Bảng kiểm Đánh giá năng lực của MSI: Đặt DCTC chứa đồng/DCTC giải phóng Levonorgestrel 38](#_Toc4101490)

[Phụ lục 5b: Bảng kiểm đánh giá năng lực người cung cấp dịch vụ tháo DCTC 41](#_Toc4101491)

[Phụ lục 6: Mẫu phiếu khách hàng đặt DCTC chứa đồng/DCTC giải phóng Levonorgestrel 43](#_Toc4101492)

[Phụ lục 7: Sơ đồ xử trí khi không thấy dây DCTC 45](#_Toc4101493)

[Phụ lục 8: Các loại DCTC chứa Levonorgestrel 46](#_Toc4101494)

[Tài liệu tham khảo 47](#_Toc4101495)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

# Hướng dẫn MSI: DCTC chứa đồng/DCTC chứa Levonorgestrel

## Mục tiêu

Hướng dẫn này được thiết kế nhấn mạnh kiến thức cơ bản cần thiết đối với mọi người cung cấp dịch vụ (NCCDV) dụng cụ tránh thai trong tử cung (DCTC).

Trong khuôn khổ tài liệu này, “DCTC” bao gồm DCTC chứa đồng và DCTC giải phóng Levonorgestrel.

Tài liệu này dành cho NCCDV ở tất cả các tuyến cung cấp dịch vụ vì đưa ra hướng dẫn đã được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn cao nhất cho người sử dụng.

Hướng dẫn sử dụng DCTC với mục đích tránh thai khẩn cấp nằm ngoài phạm vi tài liệu này.

Tài liệu này thay cho cuốn “Hướng dẫn của MSI về cung cấp dịch vụ DCTC phiên bản v1.0”

Để có thêm thông tin chi tiết về cung cấp dịch vụ DCTC, vui lòng tham khảo danh mục Tài liệu tham khảo ở cuối tài liệu hướng dẫn này.

## Cấu trúc của tài liệu

Tài liệu được chia thành các bước trong quá trình cung cấp dịch vụ DCTC.

Ở mỗi bước, có nhấn mạnh những điểm chính và nguy cơ chính.

Thông tin chi tiết cho mỗi bước có trong các Phụ lục, bao gồm hướng dẫn chi tiết mang tính thực tiễn cách đặt và tháo một DCTC.

**Những thay đổi chính trong phiên bản này**

* Những phần đề cập đến khách hàng nhiễm HIV sử dụng DCTC và đánh giá nguy cơ nhiễm khuẩn lây qua đường tình dục (NKLQĐTD) (trang 11)
* Cập nhật những điểm chính trong quy trình đặt DCTC (trang 13)
* Cập nhật những khía cạnh chính của DCTC và tác dụng của DCTC (trang 16)
* Cập nhật những điểm chính trong quy trình tháo DCTC (trang 19)
* Bảng kiểm (mới) sàng lọc khách hàng sử dụng DCTC (Phụ lục 2a, trang 24)
* Những vấn đề đáng lưu ý khi sử dụng DCTC và cách xử trí (Phụ lục 3, trang 28)
* Bảng kiểm đánh giá năng lực người cung cấp dịch vụ (NCCDV) cập nhật (Phụ lục 5, trang 34)
* Bảng kiểm quy trình đặt DCTC (Phụ lục 4b, trang 30)
* Bảng so sánh các loại DCTC (Phụ lục 8, trang 42)

# 1.0 Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện thích hợp

## 1.1 Những điểm chính

Để đặt DCTC, bạn cần các điều kiện trong danh mục sau đây:

* Người cung cấp dịch vụ có năng lực chuyên môn kỹ thuật và được phép hành nghề (theo quy định quốc gia)
* Cơ sở vật chất (địa điểm sạch sẽ, đảm bảo tính riêng tư) để thực hiện thủ thuật
* Trang thiết bị, dụng cụ và vật tư thích hợp để thực hiện quy trình đặt vào tháo DCTC

### 1.1.1 Phương tiện và trang thiết bị đầy đủ, thích hợp

**Đặt DCTC đòi hỏi khách hàng phải được thăm khám tiểu khung.**  Do vậy, cần đảm bảo có những trang thiết bị sau:

* Bàn thủ thuật: khách hàng có thể nằm thoải mái ở tư thế phụ khoa, đặt và tháo DCTC theo quy định. Bàn thủ thuật phải phù hợp cho NCCDV thực hiện quy trình đặt và tháo DCTC một cách dễ dàng, thoải mái
* Đèn khám để sử dụng trong quá trình đặt/tháo DCTC

**Kỹ thuật “không chạm” vô khuẩn phải được đảm bảo để giảm nguy cơ nhiễm khuẩn.** Trang thiết bị, phương tiện dự phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn gồm:

* Thùng đựng chất thải sinh hoạt
* Thùng đựng chất thải y tế: có nắp đậy, bên trong lót một lớp chất liệu không thấm nước dùng một lần
* Phương tiện để rửa tay
* Thùng chứa dụng cụ sắc nhọn bằng nguyên liệu chống đâm xuyên
* Cồn sát khuẩn tay
* Găng sạch
* Dung dịch sát khuẩn

Khay đựng dụng cụ để sử dụng trong trường hợp phản ứng phản vệ hoặc ngất vận mạch theo Hướng dẫn của MSI về xử trí cấp cứu nội khoa

* Đặt và tháo DCTC cho khách hàng đòi hỏi có nguồn cung cấp phương tiện tránh thai liên tục tại điểm cung cấp dịch vụ của bạn. Để có thêm thông tin chi tiết về quản lý nguồn cung ứng, vui lòng tham khảo Quy trình Mua sắm của MSI.

### 1.1.2 DCTC thích hợp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **DCTC** | **Đặc điểm** | **Thành phần, hàm lượng** |  |
|  |  |  |  |
| DCTC Cu T380A (có nhiều tên thương hiệu): hiện nay là loại DCTC được sử dụng phổ biến nhất tại các cơ sở cung cấp dịch vụ của MSI | Đăng ký sử dụng trong 10 năm (Hiệu quả tránh thai 12 năm) |  |  |
| DCTC có chứa đồng, có 2 dây  Có chứa đồng ở thân và cành ngang |  |
|  |
|  |  |  |
| DCTC Cu 375 (có nhiều tên thương hiệu): ít được sử dụng tại các cơ sở cung cấp dịch vụ của MSI hơn | Đăng ký sử dụng trong 5 năm | DCTC bằng đồng, có 2 dây  Chỉ chứa đồng ở thân |  |
|  |
|  |
|  |
|  |  |
| DCTC giải phóng Levonorgestrel (ví dụ ‘Mirena’): đắt tiền, ít được sử dụng tại các cơ sở cung cấp dịch vụ của MSI. Tuy nhiên, các loại DCTC với tên gốc giá rẻ đang trở nên phổ biến hơn, tỷ lệ sử dụng đang tăng dần  Xem thông tin chi tiết về DCTC nội tiết trong Phụ lục 8 | Đăng ký sử dụng trong 3-5 năm | DCTC bằng nhựa, chứa 13.5 - 52mg of  levonorgestrel, có 2 dây |  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |  |  |  |

* Một số DCTC trên đây hiện đang có tại các phòng khám của MSI
* Để đảm bảo an toàn và hiệu quả, tất cả các DCTC phải được MSI phê chuẩn về Q-Trak
* DCTC phải được bảo quản trong bao bì vô khuẩn nguyên vẹn của nhà sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ phòng
* Đảm bảo chất lượng sản phẩm không bị ảnh hưởng trong quá trình vận chuyển và bảo quản, tuân thủ khuyến cáo của nhà sản xuất
* DCTC phải còn hạn sử dụng. Hạn sử dụng của DCTC là ngày cuối cùng có thể đặt DCTC đó để có hiệu quả tránh thai trong thời gian đã đăng ký chất lượng sản phẩm
* Hai dây của DCTC còn nguyên vẹn ở thời điểm đặt
* DCTC có dấu hiệu kém chất lượng phải được tiêu hủy và báo cáo cho bộ phận có trách nhiệm

## 1.2 Nguy cơ chính

* Nếu không tuân thủ các yêu cầu về kỹ thuật vô khuẩn và “không chạm”, người sử dụng có nguy cơ nhiễm khuẩn cao trong khi đặt DCTC.
* Sử dụng các vật tư vô khuẩn và dụng cụ được xử lý thích hợp có tính chất quyết định trong dự phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn
* Sử dụng các sản phẩm, thiết bị, dụng cụ liên quan đã bị hỏng, quá hạn sử dụng, chất lượng kém hoặc giả mạo sẽ làm tăng nguy cơ gây hại cho sức khỏe của khách hàng và đặt khách hàng trước nguy cơ mang thai ngoài ý muốn

# 2.0 Xác định khách hàng phù hợp

## 2.1 Những điểm chính

Bạn cần thực hiện những việc sau đây để xác định khách hàng có phù hợp với DCTC hay không:

* Khẳng định DCTC an toàn cho khách hàng đó
* Yêu cầu khách hàng ký giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ

### 2.1.1 Khẳng định DCTC an toàn cho khách hàng

**Phần lớn tất cả khách hàng nữ (bao gồm vị thành niên, người chưa kết hôn và những người chưa sinh con) đều phù hợp với DCTC**

Hỏi kỹ tiền sử bệnh tật và tình dục

* Khám thực thể (bao gồm khám bằng hai tay) cho khách hàng
* Hỏi câu hỏi phù hợp để loại trừ có thai và khẳng định khách hàng phù hợp với DCTC trước khi đặt (sử dụng bảng kiểm sàng lọc khách hàng trong Phụ lục 2a)
* Không cần làm xét nghiệm trước khi đặt DCTC, trừ những trường hợp sau:
* Nghi ngờ khách hàng có thai: cần xét nghiệm thai cho khách hàng
* Khách hàng có triệu chứng NKLQĐTD: cần xét nghiệm và điều trị NKLQĐTD. Chuyển tuyến điều trị (nếu cần) và hẹn khách hàng trở lại cơ sở của bạn để đặt DCTC sau khi điều trị thích hợp
* Khách hàng bị thiếu máu*:* cần xét nghiệm Hemoglobin (Hb). Người sử dụng DCTC có xu hướng kinh nguyệt kéo dài hơn và/hoặc ra nhiều máu kinh nhiều hơn bình thường trong một vài tháng đầu có thể làm cho tình trạng thiếu máu trầm trọng hơn

**Dụng cụ tử cung và HIV**

* Khách hàng không bị nhiễm HIV có thể đặt DCTC. DCTC không làm tăng nguy cơ nhiễm HIV
* Khách hàng bị nhiễm HIV vẫn có thể dùng DCTC một cách an toàn nếu chỉ có bệnh nhẹ hoặc không có bệnh lâm sàng, bất kể hiện tại họ có dùng thuốc kháng virus hay không
* Tuy nhiên, khách hàng bị nhiễm HIV **đang có bệnh lâm sàng tiến triển hoặc nghiêm trọng không nên** dùng DCTC
* Nếu khách hàng được phát hiện nhiễm HIV trong khi đang dùng DCTC: không cần tháo DCTC
* Khách hàng bị nhiễm HIV đang dùng DCTC được phát hiện có bệnh lâm sàng tiến triển hoặc nghiêm trọng có thể vẫn duy trì DCTC nhưng phải được theo dõi chặt chẽ để phát hiện và xử lý kịp thời viêm tiểu khung
* Khách hàng nhiễm HIV hoặc có nguy cơ nhiễm HIV phải dùng bao cao su trong suốt thời gian dùng DCTC. Bao cao su có tác dụng phòng ngừa lây truyền HIV và NKLQĐTD khác nếu được dùng thường xuyên và đúng cách

### 2.1.2 Ký giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ DCTC

* Giới thiệu cho khách hàng các BPTT phù hợp với lối sống và nhu cầu y tế của họ
* Yêu cầu khách hàng ký Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ theo Hướng dẫn Tư vấn cho Khách hàng và Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ DCTC của MSI
* Thông tin cần cung cấp để tư vấn cho khách hàng đặt DCTC có trong Phụ lục 1
* Khách hàng phải ký **Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ DCTC trước khi đặt DCTC.**

Sử dụng Mẫu Giấy cam đoan tự nguyên sử dụng dịch vụ của MSI phù hợp theo hướng dẫn cung cấp dịch vụ DCTC

## 2.2 Nguy cơ chính

* Nếu khách hàng không hiểu cơ chế tác dụng của DCTC hoặc hạn chế, nguy cơ hoặc tác dụng ngoại ý của DCTC, họ có thể:
* Yêu cầu tháo DCTC khi xuất hiện tác dụng ngoại ý
* Không trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ khi xảy ra “dấu hiệu cảnh báo”
* Không trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ để tháo DCTC khi đã hết hạn sử dụng: khách hàng có nguy cơ mang thai ngoài ý muốn
* Nguy cơ mắc NKLQĐTD

* Nếu khách hàng không được sàng lọc theo quy trình về tính phù hợp sử dụng BPTT này, DCTC có thể làm ảnh hưởng có hại đến sức khỏe của họ.

# 3.0 Đặt DCTC

## 3.1 Những điểm chính

* Có thể đặt DCTC vào bất kỳ thời điểm nào trong chu kỳ kinh nguyệt
* DCTC chứa đồng có thể đặt vào bất kỳ thời điểm nào trong chu kỳ kinh nguyệt nếu khách hàng được xác định một cách chắc chắc hiện không có thai hoặc không có nguy cơ có thai (dùng Bảng kiểm sàng lọc kháng hàng có nhu cầu sử dụng DCTC trong Phụ lục 2a). Không cần dùng biện pháp tránh thai hỗ trợ sau khi đặt DCTC
* DCTC giải phóng Levonorgestrel có thể được đặt ở bất kỳ thời điểm nào trong chu kỳ kinh nguyệt nếu khách hàng được xác định chắc chắn hiện tại không có thai hoặc không có nguy cơ có thai (dùng Bảng kiểm sàng lọc kháng hàng có nhu cầu sử dụng DCTC trong Phụ lục 2a). Nếu đặt DCTC trong 7 ngày đầu tiên của chu kỳ kinh nguyệt, khách hàng nên dùng biện pháp tránh thai hỗ trợ (ví dụ: bao cao su) trong vòng 7 ngày sau khi đặt DCTC.
* Khi đặt DCTC (loại chứa đồng hoặc chứa nội tiết), phải luôn luôn thực hiện tất cả các yêu cầu để loại trừ khả năng khách hàng có thai và đảm bảo Giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ có đề cập đến khả năng mang thai trong tương lai. Luôn sử dụng Bảng kiểm sàng lọc khách hàng có nhu cầu sử dụng DCTC trong Phụ lục 2a để loại trừ khả năng mang thai hiện tại của khách hàng
* Có thể đặt DCTC ngay sau chấm dứt thai bằng phương pháp ngoại khoa, và sau khi sẩy thai hoàn toàn trong chấm dứt thai nội khoa. Điều này chỉ áp dụng với các trường hợp thai < 24 tuần tuổi
* Có thể đặt DCTC trong vòng 48 giờ sau sinh và sau 4 tuần sau kinh (không áp dụng trong khoảng thời gian giữa 48 giờ và 4 tuần sau sinh)

nh

* **Thăm khám tiểu khung trước khi đặt DCTC là bước bắt buộc để đánh giá tính phù hợp của DCTC đối với khách hàng.**
* KHÔNG đặt DCTC nếu kết quả khám cho thấy khách hàng có dấu hiệu lâm sàng của nhiễm khuẩn hoặc bệnh lý, ví dụ:
* Khí hư có mủ hoặc có mùi hôi
* Đau hoặc loét âm hộ hoặc âm đạo hoặc cổ tử cung
* Cổ tử cung đau hoặc chảy máu khi chạm vào
* Đau khi khám tiểu khung
* Hình dạng tử cung bất thường hoặc không xác định được kích thước tử cung
* Âm thanh tử cung cho thấy buồng tử cung có kích thước > 9cm hoặc < 5cm
* Khách hàng có dấu hiệu hoặc triệu chứng mắc NKLQĐTD cần được điều trị hoặc chuyển tuyến để được điều trị thích hợp trước khi đặt DCTC
* Khách hàng có nguy cơ mắc NKLQĐTD (ví dụ: bạn tình mới phát hiện mắc bệnh) phải được sàng lọc và điều trị trước khi đặt DCTC
* Hiệu quả tránh thai của DCTC chứa đồng không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ tương tác thuốc nào. DCTC giải phóng Levonorgestrel nội tiết bị ảnh hưởng bởi thuốc tránh thai khẩn cấp Ulipristal acetate (UPA). Không nên đặt DCTC có nội tiết trong vòng 5 ngày sau khi dùng UPA.
* Không cần dùng thuốc kháng sinh thông thường khi đặt DCTC trừ khi âm đạo nhiễm liên cầu khuẩn A. Những trường hợp này cần được điều trị thích hợp và chỉ đặt DCTC sau khi điều trị khỏi.
* DCTC chứa đồng có hiệu quả tránh thai khẩn cấp nếu đặt trong vòng 5 ngày có quan hệ tình dục không được bảo vệ hoặc < 5 ngày rụng trứng của chu kỳ sau. Tham khảo Hướng dẫn của MSI về Biện pháp tránh thai khẩn cấp để có thêm thông tin về các biện pháp tránh thai khẩn cấp

### 3.1.1. Khách hàng đang dùng biện pháp tránh thai khác

* Có thể đặt ngay DCTC chứa đồng/giải phóng Levonorstrel nếu khách hàng đang sử dụng một BPTT khác thường xuyên và đúng cách hoặc có lý do chắc chắn khẳng định hiện tại khách hàng không có thai (xem Phụ lục 2a)
* Sau khi đặt DCTC chứa đồng, không cần sử dụng BPTT hỗ trợ hoặc chờ cho đến chu kỳ kinh sau
* Trong trường hợp đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel, không cần dùng BPTT hỗ trợ nếu DCTC này được đặt trong vòng 7 ngày kể từ ngày đầu tiên của chu kỳ kinh. Nếu đặt sau 7 ngày, khách hàng cần dùng BPTT hỗ trợ (ví dụ: bao cao su).
* Nếu khách hàng chuyển từ thuốc tiêm tránh thai sang DCTC, khách hàng có thể đặt DCTC vào thời điểm dự kiến của mũi tiêm lặp lại. Không cần dùng BPTT hỗ trợ

### 3.1.2. Đặt DCTC với kỹ thuật “không chạm”

* Kỹ thuật “không chạm” nghĩa là không để cho ống đặt đã lắp DCTC hoặc thước đo buồng tử cung chạm vào bất kề bề mặt không vô khuẩn nào (tay, mở vịt, âm đạo, mặt bàn, …). Kỹ thuật “không chạm” bao gồm:
* Lắp DCTC vào ống đặt trong khi DCTC vẫn ở trong bao vô khuẩn để tránh tiếp xúc trực tiếp
* Sát khuẩn cổ tử cung bằng dung dịch sát khuẩn trước khi đặt DCTC
* Thận trọng tránh để thước đo buồng tử cung hoặc cành mỏ vịt chạm vào vách âm đạo hoặc ống đặt đã lắp
* Chỉ đưa thước đo buồng tử cung và ống đặt đã lắp qua ống cổ tử cung một lần
* Các bước chi tiết của quy trình đặt DCTC có trong Phụ lục 4b

## 3.2 Nguy cơ chính

* **Không áp dụng kỹ thuật đảm bảo vô khuẩn:**
* Có thể đưa nguồn lây nhiễm xâm nhập vào tử cung và tiểu khung của khách hàng*.*Tỷ lệ nhiễm khuẩn cao nhất xảy ra trong 3 tuần đầu sau khi đặt DCTC
* **NCCDV không có kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn cần thiết** 
  + Làm tăng nguy cơ tai biến (ví dụ: thủng tử cung), tỷ lệ thường gặp là 2 – 3 ca/1.000 ca đặt DCTC
  + Tăng nguy cơ tuột DCTC, tỷ lệ thường gặp nhất là 1/20 ca, chủ yếu trong 3 tháng đầu sau khi đặt
* **Gây đau hoặc khó chịu trong khi đặt**
* Nên giải thích cho khách hàng trước khi tiến hành thủ thuật. Cho khách hàng dùng paracetamol hoặc ibuprofen 30 phút trước hoặc sau khi đặt có thể giảm bớt hiện tượng này
* **Độ dài của dây DCTC để lại không thích hợp (quá ngắn hoặc quá dài)**
* Gây kích ứng cho bạn tình trong khi giao hợp nếu dây quá ngắn và gây khó khăn khi tháo DCTC khi cần thay
* Gây chảy máu âm đạo nếu dây quá dài
* Cắt ngắn dây DCTC, để lại bên ngoài cổ tử cung khoảng 2-3cm
* **Gây phản ứng phế vị-mạch hoặc sốc phản vệ (rất hiếm gặp)**

# 4.0 Hoàn thành phần thăm khám và tư vấn

## 4.1 Những điểm chính

Sau khi đặt DCTC, bạn cần:

* Đảm bảo khách hàng hiểu những thông tin chính liên quan đến BPTT này, cách sử dụng, tác dụng của DCTC
* Đảm bảo khách hàng biết rằng họ cần tìm kiếm dịch vụ y tế trong những trường hợp sau:
* Khi có bất kể vấn đề hoặc mối lo ngại nào (khách hàng muốn tháo DCTC, DCTC bị tụt thấp, không thấy dây DCTC, khách hàng (hoặc bạn tình) có thể cảm nhận sự hiện diện của thân DCTC, dấu hiệu viêm tiểu khung (đau bụng dưới dữ dội, giao hợp đau, dịch âm đạo bất thường, sốt, ớn lạnh, buồn nôn và/hoặc nôn, đặc biệt trong 3 tuần đầu sau khi đặt) hoặc chậm kinh có thể gợi ý khả năng có thai
* DCTC lạc chỗ
* Hướng dẫn khách hàng cách tự kiểm tra dây DCTC
* Cung cấp bao cao su là BPTT hỗ trợ hoặc bảo vệ kép
* Hẹn khách hàng trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ sau chu kỳ kinh nguyệt hoặc 3-6 tuần sau khi đặt DCTC
* Không bắt buộc khám tiểu cung trong lần tái khám trừ khi khách hàng có triệu chứng gợi ý nhiễm khuẩn hoặc DCTC tụt thấp một phần hoặc hoàn toàn

### 4.1.1 Các khía cạnh chính liên quan đến DCTC và tác dụng của DCTC

* Có tác dụng tránh thai ngay sau khi đặt, trừ DCTC giải phóng Levonorgestrel nếu đặt sau 7 ngày kể từ ngày đầu chu kỳ kinh. Trong trường hợp này, cần sử dụng BPTT hỗ trợ trong 7 ngày.
* Hiệu quả tránh thai không còn ngay sau khi tháo DCTC
* Khách hàng cần hiểu thời gian có hiệu quả tránh thai của DCTC họ sử dụng; sau thời gian đó, họ sẽ không được bảo vệ, có nguy cơ mang thai.Khách hàng phải trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ để được thay DCTC khác hoặc chuyển sang BPTT khác nếu vẫn có nhu cầu tránh thai:
* DCTC Cu T380A được đặt trong 10 năm (có tác dụng tránh thai tới 12 năm)
* DCTC Cu 375 và DCTC giải phóng Levonorgestrelcó tác dụng tránh thai 5 năm
* **Nhắc khách hàng: thay đổi kinh nguyệt** (thời gian ra máu dài hơn, rối loạn kinh nguyệt bất thường và ra nhiều máu âm đạo đối với DCTC chứa đồng, hoặc rối loạn kinh nguyệt, thiểu kinh hoặc vô kinh đối với DCTC giải phóng Levonorgestrel) **là hiện tượng bình thường**. Những thay đổi về kinh nguyệt thường ổn định trở lại trong thời gian 3 đến 6 tháng.
* Để giảm lượng máu kinh trong trường hợp ra đa kinh (ra **nhiều máu** gấp 2 lần bình thường)hoặc **kinh nguyệt kéo dài** (>8 ngày), có thể xử lý bằng một trong những cách sau khi bắt đầu ra nhiều máu: Acid tranexamic (1.000-1.500mg) 3 lần/ngày x 3 ngày, sau đó dùng 1.000mg x 1 lần/ngày x 2 ngày, **hoặc** thuốc kháng viêm không Steroid (NSAIDs) như Ibuprofen 400mg hoặc Indomethacin 25mg x 2 lần/này (sau ăn) trong 5 này. **Không dùng aspirin.**
* Nếu khách hàng ra máu nhiều và kéo dài, nên bổ sung viên sắt kết hợp chế độ ăn giàu chất sắt
* Khách hàng bị rối loạn kinh nguyệt gây khó chịu, đau bụng sau đặt DCTC chứa đồng, nên dùng NSAIDs
* Khách hàng bị rối loạn kinh nguyệt gây khó chịu khi đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel: nên dùng viên uống tránh thai kết hợp (COC) 1 lần/ngày trong 3 tháng (nếu đủ điều kiện sức khỏe để sử dụng). Nên dùng COC mang tính chất chu kỳ hoặc dùng liên tục không có ngày nghỉ
* DCTC giải phóng Levonorgestrel có thể gây tác dụng ngoại ý như mụn trứng cá, thay đổi trạng thái tâm lý, tăng cân
* DCTC không có tác dụng phòng tránh NKLQĐT

### 4.1.2 Hoàn thành hồ sơ khách hàng

* Mẫu giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ phải được khách hàng ký tên
* Hoàn thành các thủ tục, văn bản cần thiết, đưa cho khách hàng một bản với thông tin chính cần ghi trong hồ sơ khách hàng:
* Loại DCTC vừa đặt, ngày đặt
* Ngày khách hàng cần đến cơ sở y tế để tháo hoặc thay DCTC
* Địa chỉ cơ sở y tế khách hàng cần tìm kiếm dịch vu nếu có vấn đề hoặc câu hỏi liên quan đến DCTC họ đang sử dụng
* Thông tin quan trọng cần có trong hồ sơ khách hàng:
* Loại DCTC đã đặt, số lô sản xuất, hạn sử dụng
* Kết quả thăm khám tiểu khung (tình trạng, tư thế và kích thước cổ tử cung, tử cung, phần phụ, độ nhạy cảm)
* Lịch sử kinh nguyệt, đặc biệt là ngày đầu kỳ kinh cuối
* Chi tiết những vấn đề hoặc tai biến có thể xảy ra trong khi dùng DCTC

## 4.2 Nguy cơ chính

* Nếu khách hàng không hiểu cơ chế tác dụng, những hạn chế, tác dụng ngoại ý thường gặp và biến chứng có thể gặp của DCTC, khách hàng có thể yêu cầu tháo DCTC sớm hoặc có nguy cơ mang thai ngoài ý muốn hoặc mắc NKLQQĐTD
* Nếu khách hàng không hiểu những dấu hiệu cảnh báo của tai biến (không thấy dây DCTC, đau bất thường, ra máu âm đạo bất thường…), họ có thể chậm trễ trong tìm kiếm dịch cần cân nhắc khả năng thủng tử cung. Trường hợp này cần trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay để được xác định bằng siêu âm hoặc X quang
* Nếu việc đặt DCTC không được ghi chép đầy đủ vào hồ sơ, sẽ rất khó khăn để xác định:
* Loại DCTC đã đặt
* Ngày đặt DCTC và ngày phải tháo DCTC
* Thiếu thông tin và tài liệu hóa liên quan đến việc đặt DCTC là những nguy cơ mang tính pháp lý. Tài liệu hóa không đầy đủ sẽ không thể cung cấp bằng chứng đầy đủ về việc thủ thuật có được thực hiện đúng quy trình hay không trong trường hợp có khiếu nại.

13

# 5.0 Tháo dụng cụ tử cung

## 5.1 Những điểm chính

* DCTC phải được tháo ra khi DCTC hết hạn sử dụng
* Có thể tháo DCTC bất kỳ lúc nào theo yêu cầu của khách hàng. Nếu khách hàng muốn tháo DCTC do tác dụng ngoại ý thường gặp của DCTC, hãy trao đổi với họ về những vấn đề họ gặp phải và liệu họ có muốn tiếp tục dùng DCTC hay không nếu vấn đề họ đang gặp được giải quyết. Nếu họ không muốn tiếp tục sử dụng DCTC, nên tháo ra ngay
* Tháo DCTC là thủ thuật đơn giản đòi hỏi khách hàng nằm ở nơi kín đáo, sạch sẽ và được thăm khám tiểu khung.
* Kỹ thuật tháo DCTC các loại DCTC đều giống nhau
* Phương tiện, dụng cụ để tháo DCTC có trong Bộ dụng cụ đặt/tháo DCTC của MSI (Xem Phụ lục 4a).
* Nếu bạn không tìm được dây DCTC, tham khảo Hướng dẫn của MSI trong trường hợp không tìm thấy dây DCTC (Phụ lục 7)
* Tháo DCTC bằng cách giữ dây DCTC tại lỗ ngoài cổ tử cung bằng kẹp đầu tròn, quan sát qua mỏ vịt. Nhẹ nhàng kéo dây DCTC đều tay, dứt khoát, không bị gián đoạn. Có thể yêu cầu khách hàng hít sâu, thở ra chậm và thả lỏng, thư giãn trong khi kéo dây DCTC để tháo ra dễ dàng hơn
* Trường hợp thay DCTC khác: có thể đặt ngay DCTC mới sau khi tháo
* Nếu khách hàng muốn chuyển sang BPTT khác, nên tư vấn về các BPTT khác phù hợp, lưu ý những nội dung sau:
* Nếu tháo DCTC trong vòng 5 ngày đầu của chu kỳ kinh và khách hàng muốn chuyển sang thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai hoặc COC/viên uống tránh thai chỉ có progestoren (hoặc đang ở ngày đầu chu kỳ kinh khi uống viên tránh thai estradiol valerate/dienogest): không cần dùng BPTT hỗ trợ.
* Nếu khách hàng bắt đầu dùng BPTT nội tiết muộn hơn thời gian nói trên, nên giữ nguyên DCTC và tháo DCTC trong chu kỳ kinh tiếp theo.Tuy nhiên, nếu khách hàng không quan hệ tình dục trong suốt chu kỳ kinh đó, có thể tháo DCTC, bắt đầu dùng BPTT nội tiết với một BPTT hỗ trợ trong 7 ngày trừ khi BPTT nội tiết:
  + - Là viên uống tránh thai chỉ có Progestogen: sử dụng BPTT hỗ trợ trong 2 ngày tiếp theo
    - Viên uống Estradiol valerate/dienogest: dùng BPTT hỗ trợ trong 9 ngày tiếp theo
* Nếu khách hàng chọn BPTT vĩnh viễn, tốt nhất là thực hiện trong vòng 7 ngày đầu của chu kỳ kinh, tháo DCTC ít nhất 1 tuần sau khi triệt sản nữ. Không cần BPTT hỗ trợ
* Nếu bạn tình của khách hàng lựa chọn biện pháp triệt sản nam, khách hàng nên chờ cho đến khi không còn tinh trùng trong tinh dịch bạn tình trước khi tháo DCTC (thông thường khoảng 12 tuần sau thủ thuật triệt sản nam)

## 5.2 Nguy cơ chính

* Nếu cảm thấy vướng trong khi kéo dây DCTC, phải dừng ngay, chuyển khách hàng đến phòng siêu âm hoặc chuyển viện để xử trí thích hợp
* Nếu DCTC bám vào buồng tử cung, dây DCTC có thể bị đứt trong khi kéo
* Sau khi tháo DCTC, khả năng thụ thai của khách hàng có thể hồi phục ngay. Đảm bảo khách hàng được tiếp cận dịch vụ tránh thai ngay sau khi tháo DCTC nếu khách hàng có nhu cầu

# Phụ lục

## Phụ lục 1a: Thu thập cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ khi có đủ thông tin

Những nội dung cụ thể liên quan đến DCTC cần được đề cập để thu thập cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ của khách hàng khi có đủ thông tin:

* DCTC chứa đồng được làm từ một thân plastic có chứa đồng được đặt vào trong tử cung qua âm đạo và cổ tử cung
* Cơ chế tác dụng của DCTC chứa đồng: tạo phản ứng hóa học tại chỗ có tác dụng tiêu diệt tinh trùng và trứng trước khi trứng gặp tinh trùng
* DCTC giải phóng Levonorgestrel là một thân plastic hình chữ T giải phóng một lượng nhỏ hormon hàng ngày. Hormon Levonorgestrel có tác dụng làm đặc chất nhầy cổ tử cung, ngăn cản tinh trùng di chuyển qua cổ tử cung và làm mỏng lớp nội mạc tử cung ngăn ngừa trứng (đã thụ thai) làm tổ
* Khả năng tránh thai được hồi phục ngay sau khi tháo DCTC
* DCTC không có tác dụng phòng ngừa NKLQĐTD
* DCTC là BPTT dài hạn có hiệu quả tránh thai trong thời gian rất dài:
* DCTC chứa đồng Cu T380A có tác dụng tránh thai trong 10 năm
* DCTC chứa đồng Cu 375 có tác dụng tránh thai trong 5 năm
* DCTC giải phóng Levonorgestrel có tác dụng tránh thai trong 3-5 năm tùy loại
* Trong 100 phụ nữ sử dụng DCTC chứa đồng trong 10 năm, có < 2 người có thể có thai
* Trong 100 phụ nữ sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel trong 3-5 năm, chỉ có < 1 người có thể có thai trong khi đang dùng DCTC
* DCTC phù hợp cho những phụ nữ không muốn phải ghi nhớ việc sử dụng BPTT hàng ngày đồng thời muốn có con trong một vài năm tới
* Đặt DCTC là thủ thuật nhỏ, đòi hỏi phải có khám tiểu khung trước khi đặt
* Đôi khi có thể gây khó chịu một chút cho khách hàng trong khi đặt, có thể dùng thuốc giảm đau đơn giản trước khi đặt DCTC
* Trường hợp DCTC đâm xuyên cơ tử cung trong khi đặt rất hiếm gặp. Những trường hợp này phải được chuyển viện thích hợp
* DCTC có thể có tác dụng ngoại ý gây khó chịu, chủ yếu liên quan đến thay đổi về kinh nguyệt.
* Ra máu thấm giọt, hoặc thiểu kinh, xảy ra trong khoảng 1 tháng sau khi đặt
* Ra máu không đều, ra máu nhiều hoặc kéo dài kèm đau bụng kinh là hiện tượng phổ biến trong 3-6 tháng đầu sau khi đặt DCTC chứa đồng
* Ra máu không đều, ra máu thấm giọt là hiện tượng phổ biến trong 6 tháng đầu sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel. Loại DCTC này phù hợp với những khách hàng thường ra máu kinh nhiều, đau bụng kinh và thiếu máu
* Các tác dụng ngoại ý khác của DCTC giải phóng Levonorgestrel có thểgồm mụn trứng cá, đau đầu, cương vú do hormon
* Đặt DCTC có thể làm tăng nguy cơ nhiễm khuẩn tiểu khung, nhưng nhiễm khuẩn tiểu khung xuất hiện thường xuyên nhất trong vòng 20 ngày đầu. Sau đó, nhiễm khuẩn tiểu khung xuất hiện với tỷ lệ tương đương ở những người không đặt DCTC
* Rất hiếm: biến chứng của đặt DCTC có thể là DCTC tụt khỏi buồng tử cung hoặc nhiễm khuẩn
  + Nguy cơ cao nhất là trong 3 tuần đầu sau đặt
  + Tụt DCTC thường xảy ra nhiều nhất trong năm đầu sử dụng và đặc biệt là trong 3 tháng đầu

## Phụ lục 1b: Mẫu giấy cam đoan tự nguyện đặt DCTC

## 

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mẫu phiếu tự nguyện đặt DCTC chứa đồng | **Mẫu giấy cam đoan tự nguyện đặt DCTC chứa đồng sau khi được cung cấp thông tin** | |  |
| Tôi, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *(họ tên khách hàng)*, đồng ý đặt DCTC chứa đồng. | |  |
| **Tôi khẳng định đã được nghe NCCDV giải thích những nội dung sau đây:** | |  |
|  | Các BPTT khác bao gồm nguy cơ và lợi ích của các BPTT đó | | **** |
|  | DCTC chứa đồng là một thân plastic dẻo và nhỏ, có quấn dây đồng | | **** |
|  | DCTC tạo phản ứng tại chỗ có tác dụng cản trở tinh trùng gặp trứng | | **** |
|  | DCTC được đặt vào tử cung qua âm đạo và cổ tử cung | |  |
|  | DCTC phải được tháo ra trước ngày \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | |  |
|  | **Lợi ích của DCTC chứa đồng** | |  |
|  | Thuận tiện: không phải ghi nhớ việc uống thuốc, có tác dụng tránh thai 5 – 12 năm | | **** |
|  | Là một trong những BPTT có hiệu quả tránh thai cao nhất (> 99%) | | **** |
|  | Khả năng thụ thai của tôi có thể hồi phục ngay sau khi tháo DCTC | | **** |
|  | **Nguy cơ/bất lợi của DCTC chứa đồng** | |  |
|  | Ra máu âm đạo nhiều hơn, kéo dài hơn, đau bụng trong 6 tháng đầu | | **** |
|  | Thiếu máu nếu kinh nguyệt kéo dài, ra nhiều máu | | **** |
|  | Có thể bị đau, ra máu, nhiễm khuẩn khi dùng DCTC | | **** |
|  | Mặc dù DCTC có hiệu quả tránh thai rất cao, vẫn có tỷ lệ mang thai (<1/100) | | **** |
|  | DCTC sẽ không có tác dụng phòng tránh NKLQĐTD | | **** |
|  | DCTC có thể làm thủng tử cung hoặc di chuyển ra ngoài tử cung | | **** |
|  | **Tôi hiểu rằng** | |  |
|  | Tôi không có khả năng thụ thai kể từ khi đặt DCTC | | **** |
|  | Việc đặt và tháo DCTC được thực hiện bởi NCCDV đã được đào tạo | | **** |
|  | Khi nào tôi cần trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ khi có vấn đề bất thường, khi cần tháo hoặc đặt DCTC khác và tôi có thể đi đến đâu để nhận dịch vụ | | **** |
|  | Tôi có thể tự kiểm tra DCTC bằng cách sờ dây DCTC trong âm đạo | | **** |
|  | Tôi phải thông báo cho NCCDV ngay lập tức nếu tôi không sờ thấy dây DCTC | | **** |
|  | Tôi đồng ý thực hiện thủ thuật kể trên, tôi đã được giải thích rằng tôi có thể/không có khả năng thụ thai *(khoanh tròn phương án trả lời thích hợp)* vì hôm nay là ngày thứ \_\_\_ kể từ ngày đầu kỳ kinh cuối của tôi. Nếu tôi không thấy kinh trong chu kỳ tới như thường lệ, tôi cần phải làm xét nghiệm thai | | |
|  | Họ tên khách hàng:……………………………  Ký tên: ……………………………………….. | Ngày: ……….. |  |
|  | Họ tên người cung cấp dịch vụ………………  Ký tên:…………………………………………. | Ngày: ………… |  |
|  | **Nếu khách hàng không biết đọc, biết viết, hoặc không có đủ năng lực trí tuệ, cần có một người làm chứng do khách hàng chọn (tốt nhất là cùng giới tính với khách hàng) là người nói cùng ngôn ngữ với khách hàng để ký tuyên bố dưới đây:**  Tôi – ký tên dưới đây, xác nhận rằng khách hàng đã điểm chỉ hoặc đánh dấu với sự chứng kiến của tôi. | |  |
|  | Họ tên người làm chứng: | Ngày | |
|  | Ký tên: |  | |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mẫu giấy cam đoan tự nguyện đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel** | **Mẫu giấy cam đoan tự nguyện sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel sau khi được cung cấp thông tin** | |  |
| Tôi, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ *(họ tên khách hàng)*, đồng ý đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel  **Tôi khẳng định đã được nghe NCCDV giải thích những nội dung sau**  Các BPTT khác bao gồm nguy cơ và lợi ích của các BPTT đó | | **** |
| DCTC chứa đồng là một thân chữ T nhỏ làm bằng plastic, có quấn dây chứa hormon | | **** |
|  | DCTC này giải phóng chậm hormon có tác dụng ức chế khả năng làm tổ của trứng bằng việc ngăn niêm mạc nội mạc tử cung dày lên | | **** |
|  | DCTC được đặt vào tử cung qua âm đạo và cổ tử cung | | **** |
|  | DCTC phải được tháo ra trước ngày \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | | **** |
|  | **Lợi ích của DCTC giải phóng Levonorgestrel** | |  |
|  | Thuận tiện; không phải ghi nhớ việc uống thuốc, có tác dụng tránh thai đến 5 năm | | **** |
|  | Là một trong những BPTT có hiệu quả tránh thai cao nhất (> 99%) | | **** |
|  | Khả năng thụ thai của tôi có thể hồi phục ngay sau khi tháo DCTC | | **** |
|  | DCTC này có thể giúp cải thiện tình trạng thiếu máu và đau bụng kinh | | **** |
|  | **Nguy cơ/bất lợi của DCTC giải phóng Levonorgestrel** | |  |
|  | Kinh nguyệt ra máu ít hơn, thời gian ngắn hơn, kinh nguyệt không đều hoặc vô kinh là hiện tượng phổ biến | | **** |
|  | Có thể bị mụn trứng cá, đau đầu, cương vú, buồn nôn, hoặc thay đổi trạng thái tâm lý | | **** |
|  | Có thể bị đau, ra máu, nhiễm khuẩn khi dùng DCTC này | | **** |
|  | Mặc dù DCTC có hiệu quả tránh thai rất cao, vẫn có tỷ lệ mang thai (<1/100) | | **** |
|  | DCTC sẽ không có tác dụng phòng tránh NKLQĐTD | | **** |
|  | DCTC có thể làm thủng tử cung hoặc di chuyển bên ngoài tử cung | | **** |
|  | **Tôi hiểu rằng** | |  |
|  | Tôi không có khả năng thụ thai kể từ khi đặt DCTC | |  |
|  | Việc đặt và tháo DCTC được thực hiện bởi NCCDV đã được đào tạo | |  |
|  | Khi nào tôi cần trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ khi có vấn đề bất thường, khi cần tháo hoặc đặt DCTC khác và tôi có thể đi đến đâu để nhận dịch vụ | |  |
|  | Tôi có thể sờ thấy dây DCTC trong âm đạo | |  |
|  | Tôi phải thông báo cho NCCDV ngay lập tức nếu tôi không sờ thấy dây DCTC | |  |
|  | Tôi đồng ý thực hiện thủ thuật kể trên, tôi đã được giải thích rằng tôi có thể/không có khả năng thụ thai *(khoanh tròn phương án trả lời thích hợp)* vì hôm nay là ngày thứ \_\_\_ kể từ ngày đầu kỳ kinh cuối của tôi. Nếu tôi không thấy kinh trong chu kỳ tới như thường lệ, tôi cần phải làm xét nghiệm thai | | |
|  | Họ tên khách hàng:…………………………  Ký tên: ……………………………………….. | Ngày: ……….. | |
|  | Họ tên người cung cấp dịch vụ……………  Ký tên:………………………………………. | Ngày: ………… | |
|  | **Nếu khách hàng không biết đọc, biết viết, hoặc không có đủ năng lực trí tuệ, cần có một người làm chứng do khách hàng chọn (tốt nhất là cùng giới tính với khách hàng) là người nói cùng ngôn ngữ với khách hàng để ký tuyên bố dưới đây:**  Tôi – ký tên dưới đây, xác nhận rằng khách hàng đã điểm chỉ hoặc đánh dấu với sự chứng kiến của tôi Họ tên người làm chứng | | |
|  | Họ tên người làm chứng……………  Ký tên:………………………………………. | Ngày: ………… | |

## Phụ lục 2a: Bảng kiểm sàng lọc khách hàng sử dụng DCTC

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Bảng kiểm sàng lọc khách hàng mong muốn sử dụng DCTC chứa đồng**   *Nguồn: FHI360 (2015)* |  | CÓ | 1. Kỳ kinh cuối của chị bắt đầu trong vòng 12 ngày trước có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |  |
| CÓ | 1. Chị không quan hệ tình dục kể từ kỳ kinh cuối hoặc từ khi sinh con gần nhất có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Chị đã và đang sử dụng BPTT đáng tin cậy thường xuyên và đúng cách kể từ kỳ kinh cuối hoặc từ khi sinh con gần nhất có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Chị mới sinh con trong vòng 4 tuần qua có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Trong 6 tháng qua, chị đã sinh con: chị nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn và chị chưa thấy kinh nguyệt kể từ lúc sinh con phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Trong 12 ngày qua, chị có bị sẩy thai hoặc nạo phá thai không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
|  | | | | | | | |  |  | | | | |
| Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho bất kỳ câu hỏi nào trong các ***câu hỏi 1-6*** và không có dấu hiệu hoặc triệu chứng có thai, bạn có thể đảm bảo chắc chắn là khách hàng hiện tại không có thai.  Tiếp tục hỏi các câu hỏi 7-14. Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***câu hỏi 4***, nên trì hoãn việc đặt DCTC cho đến 4 tuần sau sinh, trừ khi khách hàng đang ở thời điểm< 48 giờ sau sinh. | | | | | | | |  | Nếu khách hàng trả lời **KHÔNG cho *tất cả các câu hỏi 1-6,*** bạn cần hỏi xem khách hàng có quan hệ tình dục không đượcbảo vệ trong 5 ngày qua hay không. Nếu có, có thể cân nhắc đặt DCTC cho khách hàng với mục đích tránh thai khẩn cấp. Nếu không, không thể loại trừ khả năng có thai bằng bảng kiểm này. Bạn cần loại trừ khả năng có thai bằng cách khác.  Cung cấp bao cao su cho khách hàng cho đến khi khả năng thai nghén có thể được loại trừ | | | | |
| Để xác định khách hàng có đủ điều kiện về y tế để sử dụng DCTC hay không, hãy hỏi các câu hỏi 7-14. Ngay khi khách hàng trả lời **CÓ** cho ***bất kể câu hỏi nào,*** hãyngừnglại và làm theo hướng dẫn ở bên dưới câu hỏi 14 | | | | | | | | | | | | | |
|  | KHÔNG | | 1. Chị có bị ra máu âm đạo bất thường giữa 2 chu kỳ kinh hoặc chảy máu sau khi quan hệ tình dục không? | | | | | | | CÓ | |  | |
| KHÔNG | | 1. Chị có bị ung thư bộ phận sinh dục, ung thư nguyên bào nuôi hoặc lao ở vùng tiểu khung không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Chị có bị bệnh thấp khớp (ví dụ lupus) không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, chị có ít nhất 2 bạn tình phải không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, chị có cho rằng bạn tình của chị có bạn tình khác không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, chị có bị NKLQĐTD không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, bạn tình của chị có nói rằng người đó bị NKLQĐTD hoặc chị có biết anh ấy có triệu chứng của NKLQĐTD (ví dụ chảy mủ ở dương vật) không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Chị có bị nhiễm HIV không? Chị đã chuyển sang giai đoạn AIDS chưa? | | | | | | | CÓ | |
|  | | | | | | | | | | | | | |
| Nếu khách hàng trả lời **KHÔNG** cho ***tất cả các câu hỏi 7-14,*** hãy tiển hành **THĂM** **KHÁM TIỂU KHUNG**. | | | |  | |  | | --- | | Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***bất kể câu hỏi nào trong các câu hỏi 7–9,*** không được đặt DCTC cho khách hàng. Cần đánh giá thêm |   Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***bất kể câu hỏi nào trong các câu hỏi 10–13,*** khách hàng không phù hợp để đặt DCTC trừ khi khả năng bị chlamydia và/hoặc lậu có thể được loại trừ một cách chắc chắn.  Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***ý thứ 2 của câu hỏi 14*** và hiện tại không dùng thuốc kháng virus, không nên đặt DCTC cho khách hàng. Nếu khách hàng đang dùng thuốc kháng virus với đáp ứng lâm sàng tốt, có thể đặt DCTC cho họ. Phụ nữ nhiễm HIV chưa chuyển sang giai đoạn AIDS nói chung có thể dùng DCTC; xem thêm thông tin trong hộp ở trang 9. | | | | | | | | |
|  | | | |  |
| Trong khi thăm khám tiểu khung, NCCDV cần xác định các câu trả lời cho các câu hỏi 15–21. | | | |  |
|  | | | | | | | | | | | | | |
|  | KHÔNG | | 1. Có vết loét ở âm hộ, âm đạo hoặc cổ tử cung không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Khách hàng có thấy đau vùng hạ vị khi bạn khám cổ tử cung không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Có khối đau nhạy cảm ở phần phụ không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Cổ tử cung có dịch mủ không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Cổ tử cung có dễ chảy máu khi chạm vào không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Buồng tử cung có bất thường nào về giải phẫu không phù hợp để đặt DCTC không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Bạn không thể xác định kích thước và/hoặc tư thế tử cung phải không? | | | | | | | CÓ |  | | |
|  | |  | | | | | | |  |  | | |
| Nếu khách hàng trả lời “**KHÔNG”** cho ***tất cả các câu hỏi 15–21***, bạn có thể đặt DCTC cho khách hàng | | | | | |  | Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***bất kể câu hỏi nào trong các câu hỏi 15–21***, bạn không được phép đặt DCTC cho khách hàng nếu không đánh giá thêm. Xem phần giải thích để có hướng dẫn chi tiết | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Bảng kiểm sàng lọc khách hàng mong muốn sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel**   *Nguồn: FHI360 (2017)* |  | CÓ | 1. Kỳ kinh cuối của chị bắt đầu trong vòng 7 ngày trước có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |  |
| CÓ | 1. Chị không quan hệ tình dục kể từ kỳ kinh cuối hoặc từ khi sinh con gần nhất, hoặc sẩy thai, hoặc nạo phá thai có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Chị đã và đang sử dụng BPTT đáng tin cậy thường xuyên và đúng cách kể từ kỳ kinh cuối hoặc từ khi sinh con gần nhất, sẩy thai, hoặc nạo phá thai có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Chị mới sinh con trong vòng 4 tuần qua có phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Trong 6 tháng qua, chị đã sinh con: chị nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn hoặc gần như hoàn toàn và chị chưa thấy kinh nguyệt kể từ lúc sinh con phải không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| CÓ | 1. Trong 7 ngày qua, chị có bị sẩy thai hoặc nạo phá thai không? | | | | | | | | KHÔNG | | |
| Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho bất kỳ câu hỏi nào trong các ***câu hỏi 1-6***, bạn có thể đảm bảo chắc chắn là khách hàng hiện tại không có thai. Tiếp tục hỏi các câu hỏi 7-16  Tuy nhiên, nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***câu hỏi 4***, nên trì hoãn việc đặt DCTC cho đến 4 tuần sau sinh, trừ khi khách hàng đang ở thời điểm< 48 giờ sau sinh. | | | | | |  | Nếu khách hàng trả lời **KHÔNG cho *tất cả các câu hỏi 1-6,*** bạn không thể loại trừ khả năng có thai bằng bảng kiểm này. Bạn cần loại trừ khả năng có thai bằng cách khác. Cung cấp bao cao su hoặc một BPTT thích hợp khác cho khách hàng cho đến khi khả năng thai nghén có thể được loại trừ. Cung cấp viên uống tránh thai khẩ cấp nếu khách hàng có quan hệ tình dục không được bảo vệ kể từ kỳ kinh cuối trong vòng 5 ngày qua. | | | | | | |
| Để xác định khách hàng có đủ điều kiện về y tế để sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel hay không, hãy hỏi các câu hỏi 7-16. Ngay khi khách hàng trả lời **CÓ** cho ***bất kể câu hỏi nào,*** hãyngừnglại và làm theo hướng dẫn ở bên dưới câu hỏi 16 | | | | | | | | | | | | | |
|  | KHÔNG | | 1. Chị có bị ra máu âm đạo bất thường giữa 2 chu kỳ kinh hoặc chảy máu sau khi quan hệ tình dục không? | | | | | | | CÓ | |  | |
| KHÔNG | | 1. Gần đây chị có cục máu đông ở chân và phổi không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Chị có bị bệnh gan nặng hoặc vàng da (vàng da hoặc vàng mắt) không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Chị có bị ung thư vú hoặc ung thư ở bộ phận sinh dục, ung thư nguyên bào nuôi hoặc ung thư vùng tiểu khung không? | | | | | | |  | |
| KHÔNG | | 1. Chị có bị bệnh lupus không? | | | | | | |  | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, chị có 2 bạn tình trở lên phải không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, chị có cho rằng bạn tình của chị có bạn tình khác không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, chị có bị NKLQĐTD không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Trong 3 tháng qua, bạn tình của chị có nói rằng người đó bị NKLQĐTD hoặc chị có biết anh ấy có triệu chứng của NKLQĐTD (ví dụ chảy mủ ở dương vật) không? | | | | | | | CÓ | |
| KHÔNG | | 1. Chị có bị nhiễm HIV không? Chị đã chuyển sang giai đoạn AIDS chưa? | | | | | | | CÓ | |
|  | | | | | | | | | | | | | |
| Nếu khách hàng trả lời **KHÔNG** cho ***tất cả các câu hỏi 7-16,*** hãy tiển hành **THĂM** **KHÁM TIỂU KHUNG**. | | | |  | |  | | --- | | Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***bất kể câu hỏi nào trong các câu hỏi 7–11,*** không được đặt DCTC giải phóng Lovenorgestrel cho khách hàng. Cần đánh giá thêm. |   Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***bất kể câu hỏi nào trong các câu hỏi 12–15,*** khách hàng không phù hợp để đặt DCTC loại này trừ khi khả năng bị chlamydia và/hoặc lậu có thể được loại trừ một cách chắc chắn.  Nếu khách hàng trả lời **CÓ** cho ***ý thứ 2 của câu hỏi 16*** và hiện tại không dùng thuốc kháng virus, không nên đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel cho khách hàng. Nếu khách hàng đang dùng thuốc kháng virus với đáp ứng lâm sàng tốt, có thể đặt DCTC này cho họ. Phụ nữ nhiễm HIV chưa chuyển sang giai đoạn AIDS nói chung có thể dùng DCTC này; xem thêm thông tin trong hộp ở trang 9.  ***Nếu việc sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel bị trì hoãn hoặc từ chối, hãy cung cấp cho họ BPTT khác*** | | | | | | | | |
|  | | | |  |
| Trong khi thăm khám tiểu khung, NCCDV cần xác định các câu trả lời cho các câu hỏi 17–23. | | | |  |
|  | | | | | | | | | | | | | |
|  | KHÔNG | | 1. Có vết loét ở âm hộ, âm đạo hoặc cổ tử cung không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Khách hàng có thấy đau vùng hạ vị khi bạn khám cổ tử cung không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Có khối đau nhạy cảm ở phần phụ không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Bạn không thể xác định kích thước và/hoặc tư thế tử cung phải không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Cổ tử cung có dịch mủ không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Cổ tử cung có dễ chảy máu khi chạm vào không? | | | | | | | CÓ |  | | |
| KHÔNG | | 1. Buồng tử cung có bất thường nào về giải phẫu không phù hợp để đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel không? | | | | | | | CÓ |  | | |
|  | |  | | | | | | |  |  | | |
| Nếu khách hàng trả lời “**KHÔNG”** cho ***tất cả các câu hỏi 17–23***, bạn có thể đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel cho khách hàng lúc này. Nếu kỳ kinh cuối của khách hàng bắt đầu trong vòng 7 ngày qua, không cần sử dụng BPTT hỗ trợ. Nếu kỳ kinh cuối bắt đầu > 7 ngày, hướng dẫn khách hàng sử dụng bao cao su hoặc kiêng quan hệ tình dục trong vòng 7 ngày tới. Cung cấp bao cao su cho khách hàng dùng trong 7 ngày tới | | | | | | | |  | Nếu khách hàng trả lời “**CÓ”** cho ***bất kể câu hỏi nào trong các câu hỏi 17–23***, bạn không được phép đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel cho khách hàng nếu không đánh giá thêm. Xem phần giải thích để có hướng dẫn chi tiết | | | | |

## Phụ lục 2b: Hiểu các câu hỏi sàng lọc khách hàng sử dụng DCTC

* Phần lớn phụ nữ có nhu cầu đặt DCTC đều phù hợp với BPTT này, tuy nhiên bạn vẫn phải hỏi một số câu hỏi để khẳng định điều này.
* Vì DCTC giải phóng Levonorgestrel có hormon, với những khách hàngcó nguyện vọng dùng BPTT này, bạn cần hỏi thêm 4 câu hỏi (câu 8-10 màu hồng dưới đây)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi – liên quan đến tất cả các loại DCTC** | **Câu trả lời của khách hàng** | **Lý do tại sao DCTC chứa đồng hoặc DCTC giải phóng Levonorgestrel không an toàn** |
| 1. Hiện tại chị **có thai** hoặc nghi ngờ có thai không? | Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng **KHÔNG** phù hợp với DCTC. Bạn nên cố gắng xác định tình trang mang thai của khách hàng nếu nghi ngờ (Phụ lục 2a) | Khách hàng không nên sử dụng DCTC nếu đang có thai |
| 2. Có phải chị mới sinh con trong giai đoạn > **48 giờ và < 4 tuần không?** | Nếu khách hàng trả lời “**CÓ**”: cần trì hoãn việc đặt DCTC cho đến khi đủ ít nhất 4 tuần. Khách hàng có thể đặt DCTC trong vòng 48 giờ sau sinh | DCTC có nguy cơ tụt cao hơn nếu đặt trong giai đoạn từ sau 48 giờ đến trước 4 tuần sau sinh |
| 1. Chị có vết loét ở âm hộ hoặc âm đạo, đau khi khám tiểu khung hoặc dịch âm đạo giống như có mủ là triệu chứng của **nhiễm khuẩn sinh dục hoặc viêm tiểu khung** (ví dụ NKLQĐTC, viêm tiểu khung, lao tiểu khung, nhiễm khuẩn huyết sau sinh hoặc sau nạo phá thai)? | Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng **KHÔNG** phù hợp với DCTC chứa đồng cũng như DCTC giải phóng Levonorgestrel. Khách hàng cần được điều trị nhiễm khuẩn hoặc chuyển tuyến thích hợp. Khách hàng nên được đặt DCTC sau khi đã điều trị và sử dụng BPTT khác trong thời gian này. Nên cung cấp bao cao su để có tác dụng bảo vệ kép | Đặt DCTC chứa đồng hoặc DCTC giải phóng Levonorgestrel trong khi có nhiễm khuẩn có thể làm cho tình trạng nhiễm trở nên trầm trọng hơn |
| 1. Chị có bị nhiều u xơ hoặc bất kể vấn đề nào gây xoắn tử cung do dị dạng không? | Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng **KHÔNG** phù hợp với DCTC chứa đồng cũng như DCTC giải phóng Levonorgestrel. | Không thể đặt DCTC đúng vị trí – nguy cơ cao gây thủng tử cung, thất bại của BPTT và tụt TCTC |
| 5. Chị có bị **ra máu âm đạo bất thường không**? | Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng **KHÔNG** phù hợp với DCTC chứa đồng cũng như DCTC giải phóng Levonorgestrel. Bạn nên sử dụng bảng kiểm sàng lọc khách hàng (Phụ lục 2a) hoặc làm xét nghiệm nước tiểu 3 tuần sau lần quan hệ tình dục không được bảo vệ gần nhất.  Nếu khách hàng không có thai, khuyến khích họ đi gặp bác sĩ để được đánh giá thêm | Ra máu âm đạo bất thường không xác định được nguyên nhân có thể là dấu hiệu có thai hoặc bệnh lý nghiêm trọng cần phải được kiểm tra cụ thể. Nếu có thai, khách hàng không thể đặt DCTC chứa đồng cũng như DCTC giải phóng Levonorgestrel |
| 6. Chị đã bao giờ bị chẩn đoán bị ung thư cơ quan sinh dục (ung thư cổ tử cung, ung thư tử cung hoặc buồng trứng) không? | Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng **KHÔNG** phù hợp với DCTC chứa đồng cũng như DCTC giải phóng Levonorgestrel | Tăng nguy cơ thủng tử cung và/hoặc chảy máu và nhiễm khuẩn |
| 7. Chị có bị nhiễm HIV không? | Nếu khách hàng trả lời “có”, hãy xem thông tin liên quan đến HIV và DCTC trong mục 2.0 (trang 11) | Đặt DCTC hoặc DCTC giải phóng Levonorgestrel làm tăng nguy cơ nhiễm tiểu khung cho mọi khách hàng, và nguy cơ này có thể cao hơn ở những khách hàng bị suy giảm miễn dịch |
| 8. Chị đã bao giờ bị chẩn đoán **ung thư** vú chưa? | Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng **KHÔNG** phù hợp với DCTC giải phóng Levonorgestrel nhưng có thể đặt DCTC chứa đồng. | Hormone trong DCTC giải phóng Levonorgestrel có thể kích thích tế bào ung thư phát triển |
| 9. Chị đã bao giờ có  **Huyết khối ở ch**ân, hoặc trong phổi không? | **Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng KHÔNG phù hợp với DCTC giải phóng Levonorgestrel** nhưng có thể đặt DCTCchứa đồng | Hormon trong DCTC giải phóng Levonorgestrel có thể gây ra huyết khối (huyết khối tĩnh mạch sâu và/hoặc tắc mạch phổi) |
| 10. Chị đã bao giờ bị **bệnh gan** nặng (ung thư gan hoặc xơ gan) | **Nếu khách hàng trả lời “có”: khách hàng KHÔNG phù hợp với DCTC giải phóng Levonorgestrel** nhưng có thể dùng DCTC chứa đồng. | Gan bị tổn thương có thể không chuyển hóa được hormone trong DCTC giải phóng Levonorgestrel |

## Phụ lục 3: Những vấn đề đáng lưu ý với DCTC chứa đồng, DCTC giải phóng Levonorgestrel và cách xử trí

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biến chứng** | **Khuyên khách hàng** | **Điều trị, xử trí** |
| Khách hàng có triệu chứng nhiễm khuẩn: đau nhiều ở vùng hạ vị, đau khi giao hợp, dịch âm đạo bất thường, sốt, ớn lạnh, buồn nôn và/hoặc nôn (đặc biệt trong 3 tuần đầu sau khi đặt) | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay lập tức | Không tháo DCTC. Tìm nguyên nhân và xử trí nhiễm khuẩn thích hợp |
| Khách hàng có triệu chứng thủng tử cung: đau nhẹ vùng hạ vị, “không tìm thấy dây DCTC”, thay đổi về kinh nguyệt và tiền sử đau khi đặt DCTC | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay lập tức và sử dụng bao cao su cho đến khi được khám lại | Siêu âm, sau đó, nếu có chỉ định, tiến hành X-quang ổ bụng và tiểu khung càng sớm càng tốt để xác định vị trí DCTC |
| Khách hàng/bạn tình của khách hàng không cảm nhận/sờ thấy dây DCTC hoặc có thể cảm nhận/sờ thấy thân DCTC | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay lập tức và sử dụng bao cao su cho đến khi được khám lại | Xem Phụ lục 7: Xử trí các trường hợp không tìm thấy dây DCTC  Nếu DCTC tụt một phần: tháo DCTC và đặt DCTC khác hoặc cung cấp BPTT khác |
| Khách hàng đang sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel có một trong những vấn đề sau:   * Ung thư vú * Bệnh gan nặng (ung thư gan hoặc xơ gan nặng) * Thiếu máu cục bộ * Huyết khối ở chân hoặc phổi * Lupus (Lupus ban đỏ hệ thống), dương tính (hoặc không rõ) với hội chứng kháng thể kháng phospholipid * Đau nửa đầu có tiền triệu | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay lập tức | Tháo DCTC giải phóng Levonorgestrel và cung cấp BPTT khác nếu khách hàng mong muốn, đủ điều kiện về sức khỏe và không có thai |
| Khách hàng nghi ngờ có thai (ví dụ: chậm kinh sau một vài tháng ở những người có vòng kinh đều) | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay lập tức | Làm xét nghiệm thai, trao đổi với khách hàng về sự lựa chọn. Nếu khách hàng muốn chấm dứt thai, hãy chấm dứt thai và không tháo DCTC. Nếu khách hàng muốn giữ thai: tháo DCTC |
| Khách hàng có vấn đề ra máu âm đạo | Trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay lập tức | Đánh giá để xác định và loại trừ khả năng có thai hoặc tình trạng bệnh lý (như nhiễm khuẩn hoặc ung thư). Nếu nguyên nhân sâu xa đã được loại trừ, động viên khách hàng.  DCTC chứa đồng: Xử trí tình trạng rối loạn kinh nguyệt hoặc đa kinh: cho khách hàng dùng NSAIDs (800 mg ibuprofen hoặc 500 mg axit mefenamic x 3 lần/ngày (uống sau ăn) x 5 ngày khi bắt đầu ra máu)  DCTC giải phóng Levonorgestrel: Cho COC liều thấp trong 21 ngày hoặc 3 tháng (nếu có đủ điều kiện dùng oestrogen) có 30-35 mcg ethinyl oestradiol. Nếu ra máu nhiều, cân nhắc dùng COC với 50mcg EE.  Cho uống viên sắt và tư vấn chế độ ăn giàu chất sắt để phòng ngừa thiếu máu |

## Phụ lục 4a: Bộ dụng cụ đặt/tháo DCTC

**Bộ dụng cụ kim loại MSI – Bộ dụng cụ đặt/tháo DCTC**

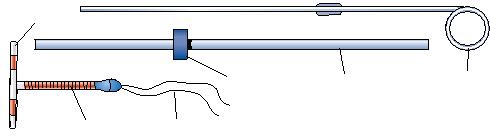
Có thể tìm thấy trong Danh mục Sản phẩm Thiết yếu của MSI v2

*\*\*Ghi chú: Có thể đặt mua 2 bộ dụng cụ đặt/tháo DCTC thông qua Chuỗi Cung ứng Toàn cầu: một bộ dụng cụ bao gồm thước đo buồng tử cung bằng kim loại và một bộ không có thước này. Các chương trình không dùng thước đo buồng tử cung bằng kim loại nên mua “ống hút dùng cho bơm hút chân không bằng tay 4mm”\*\**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã sản phẩm** | **Mô tả sản phẩm** | **Đơn vị** | **Bộ dụng cụ đặt/tháo DCTC** |
| 5EQPT | Kẹp cổ tử cung Bonney Stopes 25cm | 1 cái | 1 |
| 5EQPT | Kẹp sát khuẩn Rampley 25 cm | 1 cái | 2 |
| 5EQPT | Bát đựng dung dịch sát khuẩn bằng kim loại Gallipot | 1 cái | 1 |
| 5EQPT | Túi đựng bộ dụng cụ đặt/tháo DCTC có thể hấp bằng nồi hấp, nhãn hiệu MSI | 1 cái | 1 |
| 5EQPT | Kéo cắt dây DCTC Mayor 17,1 cm | 1 cái | 1 |
| 5EQPT | Thước đo buồng tử cung Sims 32 cm | 1 cái | 1 |
| 5EQPT | Van âm đạo cỡ trung Cuscos | 1 cái | 1 |

## Phụ lục 4b: Đặt DCTC chứa đồng và DCTC giải phóng Levonorgestrel

Cành ngang



**Bảng kiểm bộ dụng cụ đặt DCTC (Chuỗi Cung ứng Toàn cầu của MSI cung cấp bộ dụng cụ đặt DCTC cụ thể)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Dây | Nấc hãm | ống đặt | Cần đặt |
| Thân chữ T DCTC |  | | • 1 đôi găng tay sạch |
| *DCTC Cu T380A và cần đặt* | | | • 1 van âm đạo Cusco để quan sát cổ tử cung (rất cần nhiều cỡ van khác nhau: nhỏ, trung bình, dài, to) |
|  |  | | • 1 bát đựng dung dịch sát khuẩn Galipot với 1 - 2 cục bông y tế ngâm trong dung dịch sát khuẩn |

cành



DCTC Mirena

Khóa đánh dáu 

nấc hãm 

ống đặt có nấc hãm bên trong 

tay cầm

chỉ

*DCTC LNG-* DCTC nội tiết *(Mirena) và dụng cụ đặt*

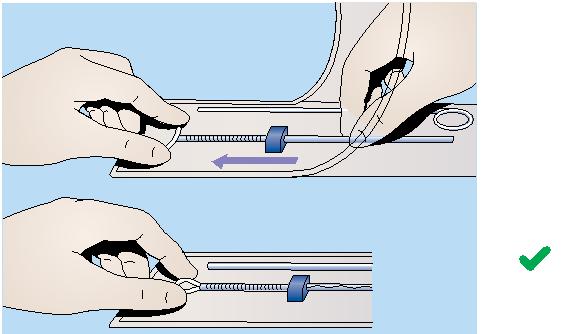
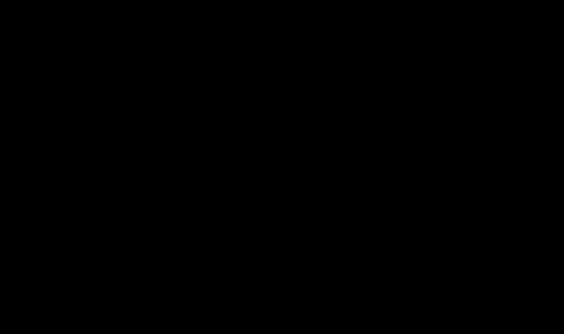
Hình vẽ: ©FEI Sức khỏe phụ nữ

**1. Chuẩn bị**

* 1 kẹp Rampley để gắp bông sát khuẩn cổ tử cung
* 1 kẹp cổ tử cung Bonney Stopes vô khuẩn (hoặc kẹp cổ tử cung để dự phòng)
* 1 thước đo buồng tử cung vô khuẩn, hoặc 1 ống hút nhựa vô khuẩn để đo chiều cao và xác định tư thế tử cung
* 1 DCTC chứa đồng hoặc bộ DCTC giải phóng Levonorgestrel (bao còn nguyên vẹn, phong, còn hạn sử dụng)
* 1 kéo Mayo Harrington để cắt dây DCTC
* Đèn chiếu sáng
* Phương tiện phòng chống và kiểm soát nhiễm khuẩn và khay đựng dụng cụ, phương tiện cấp cứu (xem mục 1.1.1)

**Bảng kiểm đặt DCTC chứa đồng (hoặc Liletta/Levosert/Avibela)**



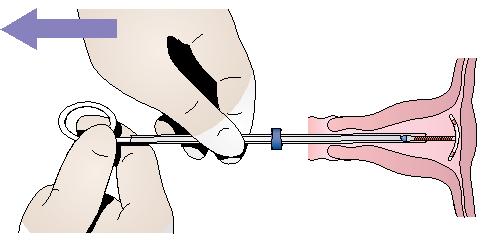
* Khám trong để xác định kích thước và tư thế tử cung; đánh giá phần phụ.
* Đặt van âm đạo để đánh giá cổ tử cung và âm đạo
* Sát khuẩn cổ tử cung và âm đạo bằng dung dịch sát khuẩn
* Cặp cổ tử cung bằng kẹp Stopes. Xác định kích thước và tư thế tử cung bằng thước đo buồng tử cung hoặc ống hút nhựa
* Lắp DCTC trong bao để đảm bảo vô khuẩn.
* Điều chỉnh nấc hãm trên ống đặt đúng hướng và đúng độ sâu buồng tử cung (vớI DCTC Liletta/Levosert/ Avibela: lắp cần đặt và DCTC vào ống đặt, để cho cạnh dưới của nấc hãm tùy theo kích thước buồng tử cung đã xác định, điều chỉnh vị trí của DCTC giảI phóng Levonorgestrel bên trong ống đặt)
* Đảm bảo kỹ thuật vô khuẩn, không chạm trong quá trình thực hiện



 Không đặt DCTC nếu chiều cao tử cung nhỏ hơn 5 cm hoặc lớn hơn 9 cm

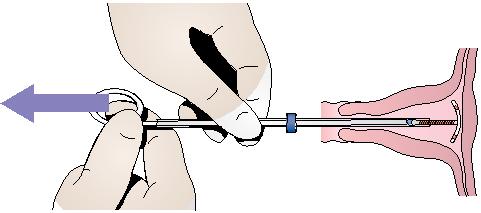
1. **Đặt và định vị DCTC**
2. **Rút và cắt dây DCTC**

Rút ống đặt để giải phóng cành ngang chữ T



Giữ nguyên cần đặt

Giữ chặt ống đặt



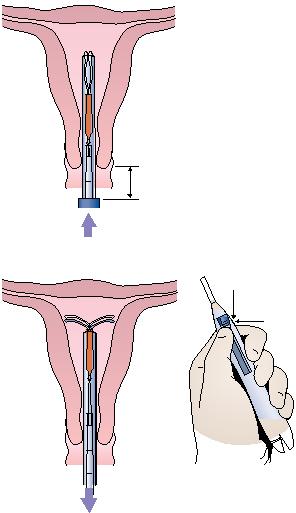
Rút cần đặt màu trắng

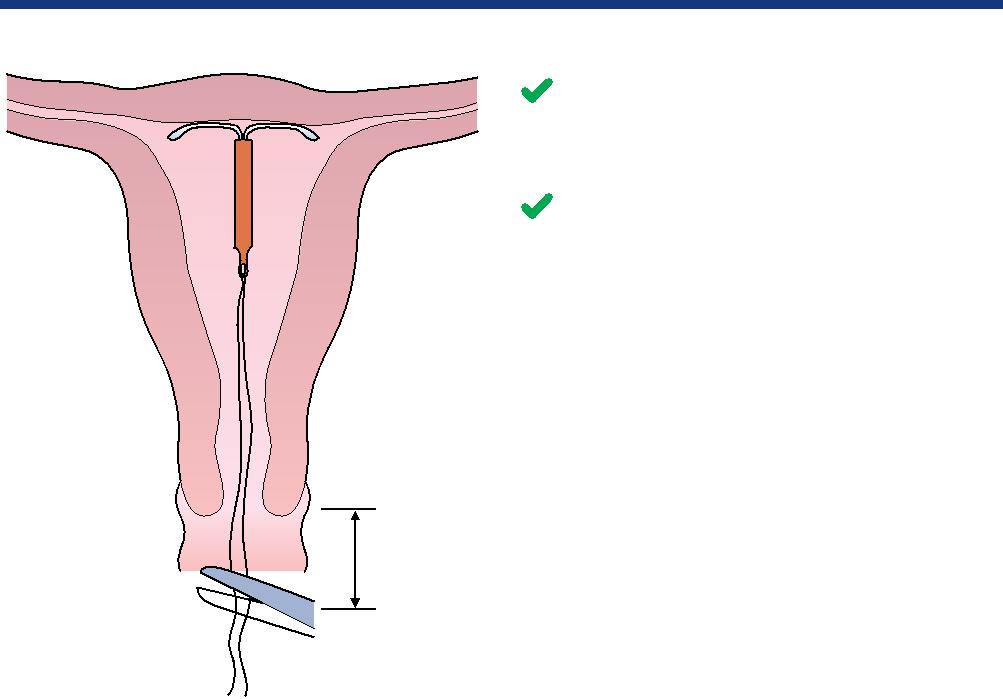
* Đưa DCTC vào trong tử cung cho đến khi nấc hãm chạm vào lỗ ngoài cổ tử cung.
* Kéo ống đặt khoảng 2cm về phía sau, giữ nguyên cần đặt ở vị trí cố định sao cho các cành ngang của DCTC có thể mở ra thành hình chữ “T”
* Kéo cần đặt
* Nhẹ nhàng đẩy ống đặt vào trong tử cung hướng lên đáy tử cung.
* Rút cần đặt, để lại DCTC trong tử cung
* Để tránh thủng tử cung, cần thận trọng khi cố định DCTC bằng cách rút cần đặt ra thay vì đẩy ống đặt về phía tử cung
* Rút ống đặt cho đến khi nhìn thấy dây DCTC
* Cắt dây DCTC bằng kéo có tay cầm dài, để lại đuôi DCTC khoảng 3 cm từ lỗ ngoài cổ tử cung

 Không để lại đuôi DCTC quá ngắn hoặc quá dài

**Bảng kiểm đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Chuẩn bị** | * Khám trong để xác định kích thước, tư thế tử cung và đánh giá phần phụ. * Dùng van âm đạo để đánh giá cổ tử cung và âm đạo * Sát khuẩn cổ tử cung và âm đạo bằng dung dịch sát khuẩn. * Cặp cổ tử cung bằng kẹp Stopes, khẳng định kích thước và tư thế tử cung bằng thước đo buồng tử cung hoặc ống hút bằng nhựa * Đảm bảo cành ngang của *DCTC* giải phóng Levonorgestrel ở tư thế nằm ngang. Giải phóng dây DCTC, kéo dây và cho cành ngang DCTC chui vào trong ống đặt. * Buộc dây và chỉnh nấc hãm theo kích thước tử cung. * Dùng găng sạch và áp dụng kỹ thuật “không chạm” trong quy trình |  |
|  |  |
|  |  |
| Nút ở đầu của cành ngang chữ T |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **2. Đặt và định vị DCTC** |  |
| * Đẩy ống đặt qua cổ tử cung * Tại vị trí 1 - 2 cm của buồng tử cung ước tính, đưa nấc trượt đến khóa đánh dấu. Chờ 10 giây để cành ngang chữ T của DCTC mở hoàn toàn. * Đẩy nấc hãm về phía cổ tử cung * Giữ chắc ống đặt, kéo cần đặt xuống phía dưới |  |
|  |
|  |
|  |  |
|  |  |
| 1,5 - 2 cm |  |
|  |
|  |  |
| Đẩy ống đặt |  |
|  |
|  |  |
| Khóa đánh dấu |  |
|  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| Kéo cần đặt |  |



1. **Rút và cắt dây DCTC giải phóng Levonorstrel**

Nhẹ nhàng rút tay cầm và ống đặt từ tử cung và cổ tử cung

Cắt dây DCTC bằng kéo có tay cầm dài, để lại dây có chiều dài khoảng 3cm bên ngoài lỗ ngoài cổ tử cung

 Không để lại dây DCTC quá ngắn hoặc quá dài

3 cm

## Phụ lục 5a: Bảng kiểm Đánh giá năng lực của MSI: Đặt DCTC chứa đồng/DCTC giải phóng Levonorgestrel

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ tên nhân viên được đánh giá.................................................... | Chức danh............................................ | : |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trước thủ thuật** | **Có/Không/Không áp dụng** | **Ghi chú** |
| 1. Kiểm tra lại thông tin khách hàng, khẳng định khách hàng đã được tư vấn, khách hàng đã ký giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ theo quy định của MSI và của quốc gia |  |  |
| 1. \* Hỏi chi tiết tiền sử liên quan theo hướng dẫn của MSI và khẳng định khách hàng phù hợp với DCTC bằng cách kiểm tra xem hiện tại khách hàng có thai hoặc có nguy cơ có thai hay không – sử dụng bảng kiểm sàng lọc khách hàng trong hướng dẫn:   • Không có tiền sử ra máu âm đạo bất thường  • Không ở trong thời điểm từ 48 giờ đến 4 tuần sau sinh  • Không bị nhiễm khuẩn đường sinh dục hoặc viêm tiểu khung  • Chưa từng bị ung thư cơ quan sinh dục  • Chưa từng bị ung thư vú (chỉ đối với DCTC giải phóng Levonorgestrel)  • Chưa từng bị huyết khối (chỉ đối với DCTC giải phóng Levonorgestrel)  • Chưa từng bị bệnh gan (chỉ đối với DCTC giải phóng Levonorgestrel) |  |  |
| 1. \* Đảm bảo có trang thiết bị cần thiết, dụng cụ được xử lý và vật tư sẵn sàng, DCTC còn trong nguyên bao và còn hạn sử dụng |  |  |
| **Thủ thuật** | **Có/Không/Không áp dụng** | **Ghi chú** |
| 1. Đảm bảo bàng quang của khách hàng rỗng (đi tiểu hoặc làm rỗng bàng quang) |  |  |
| 1. **5. Kiểm tra bộ phận sinh dục ngoài, thăm khám bằng hai tay, sau đó khám bằng mỏ vịt để khẳng định khách hàng có đủ điều kiện để đặt DCTC** |  |  |
| 1. \* Khám xác định NKLQĐTD và điều trị nếu có chỉ định theo hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới/hướng dẫn quốc gia |  |  |
| 1. \* Sát khuẩn lỗ ngoài cổ tử cung bằng dung dịch sát khuẩn |  |  |
| 1. \* Cặp cổ tử cung bằng kẹp Stopes, kéo nhẹ để ống tử cung thẳng so với buồng tử cung |  |  |
| 1. **Xác định chiều cao và tư thế tử cung chính xác bằng thước đo buồng tử cung hoặc ống hút với kỹ thuật “không chạm”** |  |  |
| 1. Lắp DCTC (trong bao bì vô khuẩn) áp dụng kỹ thuật vô khuẩn |  |  |
| 1. **Đặt DCTC**  * Chỉnh nấc đánh dấu trên ống đặt DCTC đã lắp phù hợp với độ sâu của tử cung * Nhẹ nhàng đặt và giải phóng DCTC vào buồng tử cung bằng kỹ thuật rút * Giải phóng cần đặt, nhẹ nhàng đẩy ống về phía đáy tử cung |  |  |
| 1. **Đặt DCTC giải phóng Levonorgestrel**  * **Đảm bảo cành ngang của DCTC ở tử thế nằm ngang** * **Giải phóng dây DCTC, kéo dây và cho ngành ngang DCTC chui vào trong ống đặt.** * **Buộc dây, chỉnh nấc hãm theo kích thước tử cung** * **Theo kích thước của buồng tử cung, đặt DCTC (kỹ thuật “không chạm”) ở vị trí 1-2 cm** * **Đẩy nấc trượt đến điểm đánh dấu, chờ 10 giây để cành ngang chữ T của DCTC mở hoàn toàn** * **Đẩy nấc hãm về phía cổ tử cung** * **Giữ chắc ống đặt, kéo cần đặt xuống phía dưới** * **Rút ống đặt** |  |  |
| 1. Dùng kéo cắt dây DCTC, để lại khoảng 3 – 4 cm từ lỗ ngoài cổ tử cung |  |  |
| 1. Kiểm tra cổ tử cung xem có bị chảy máu không trước khi tháo van âm đạo |  |  |
| 1. Giải thích cho khách hàng và thao tác mẫu cách tự kiểm tra dây DCTC |  |  |
| **Sau thủ thuật** | **Có/không/không áp dụng** | **Ghi chú** |
| 1. \* Luôn đánh giá nhu cầu và xử trí đau theo hướng dẫn của MSI |  |  |
| 1. \* Luôn tuân thủ cách nguyên tắc phòng chống và kiểm soát nhiễm khuẩn của MSI |  |  |
| 1. Hoàn thành hồ sơ khách hàng,bao gồm:  * Tiền sử, kết quả khám nếu có * Ghi chép đầy đủ thông tin, bao gồm ngày đặt DCTC, khoảng thời gian có tác dụng tránh thai, loại DCTC, số lô, ngày hết hạn, chi tiết các sự cố không mong muốn (nếu có) |  |  |
| 1. Đảm bảo ghi phép đầy đủ phiếu đặt DCTC để đưa cho khách hàng |  |  |
| 1. \* Đảm bảo khách hàng hiểu hướng dẫn chăm sóc/theo dõi sau đặt DCTC, đặc biệt những gì có thể xảy ra (bao gồm tác dụng ngoại ý), dấu hiệu cảnh báo, thời gian sử dụng, đảm bảo khách hàng có địa chỉ/thông tin liên lạc trong trường hợp khẩn cấp liên quan đến dịch vụ đã cung cấp |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả Đánh giá Năng lực Người cung cấp Dịch vụ\* Đính kèm Bảng kiểm Đánh giá Năng lực nếu NCCDV bị xếp loại 2/3** | |
| **Dịch vụ đã được đánh giá: Đặt DCTC** | **Đánh dấu vào nội dung thích hợp** |
| |  |  | | --- | --- | | **Loại 1** |  |  * NCCDV hoàn thành chính xác tất cả các bước. * Có khả năng cung cấp dịch vụ này một cách độc lập, nên được đánh giá lại thường xuyên |  |
| **Loại 2 \***   * NCCDV đã hoàn thành chính xác các bước in đậm nhưng bỏ qua ít nhất một bước khác. * Không có khả năng cung cấp dịch vụ này một cách độc lập. Chỉ được phép cung cấp dịch vụ này dưới sự giám sát trực tiếp của cán bộ lâm sàng có năng lực cho đến khi được cán bộ lâm sàng có năng lực xác định là có đủ khả năng lực. |  |
| **Loại 3 \***   * Bỏ qua ít nhất một bước in đậm. * Không có khả năng cung cấp dịch vụ này. Cần phải được huấn luyện bởi huấn luyện viên có năng lực tại cơ sở đào tạo. |  |
| Các quan sát/nhận xét khác: | |
| Hành động cụ thể cần thực hiện để đạt được/duy trì năng lực: | |
| Họ tên nhân viên được đánh giá: | Chữ ký: |
|  | ‘ |
| Họ tên người đánh giá: | Chữ ký |
|  |  |
|  |  |
| Ngày đánh giá: | Địa điểm đánh giá: |

## Phụ lục 5b: Bảng kiểm đánh giá năng lực người cung cấp dịch vụ tháo DCTC

**Bảng kiểm Đánh giá Năng lực của MSI: Tháo DCTC chứa đồng/DCTC giải phóng Levonorstrel**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ tên người được đánh giá:.................................................................... | Chức danh:...................................... |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trước thủ thuật** | **Có/Không/Không áp dụng** | **Ghi chú** |
| 1. Kiểm tra thông tin khách hàng, hỏi lý do tháo DCTC; khẳng định khách hàng đã được tư vấn, giấy cam đoan tự nguyện sử dụng dịch vụ đã được tài liệu hóa theo quy định của MSI/hướng dẫn quốc gia |  |  |
| 2. Hỏi tiền sử, quá trình sử dụng DCTC một cách phù hợp |  |  |
| 3. Đảm bảo có đủ trang thiết bị cần thiết, dụng cụ được xử lý theo quy định và vật tư sẵn sàng |  |  |
| **Thủ thuật** | **Có/Không/Không áp dụng** | **Ghi chú** |
| * \* Đảm bảo bàng quan của khách hàng rỗng (đi tiểu hoặc làm rỗng bàng quang) |  |  |
| * \* Thăm khám bằng hai tay, nhẹ nhàng đặt mỏ vịt để kiểm tra độ dài và vị trí của dây DCTC |  |  |
| * Cố định cổ tử cung bằng kẹp Stopes (nếu cần) sau khi sát khuẩn cổ tử cung bằng dung dịch sát khuẩn |  |  |
| * \* Cặp dây DCTC ở vị trí gần lỗ ngoài cổ tử cung bằng kẹp, kéo nhẹ dây để lấy DCTC ra khỏi tử cung |  |  |
| * \* Cho khách hàng xem DCTC đã tháo |  |  |
| * \* Áp dụng Sơ đồ xử trí khi không thể tháo DCTC hoặc không thấy dây DCTC của MSI |  |  |
| * Cung cấp BPTT khác nếu được yêu cầu và có đủ điều kiện để sử dụng hoặc chuyển tuyến thích hợp |  |  |
| 11. \* Luôn đánh giá nhu cầu và xử trí đau theo hướng dẫn của MSI |  |  |
| 12. \* Luôn tuân thủ nguyên tắc phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn của MSI |  |  |
| 13. Hoàn thành hồ sơ khách hàng, bao gồm   * Tiền sử, kết quả khám thực thể * Ghi chép về thủ thuật, bao gồm ngày tháo DCTC, chi tiết sự cố ngoại ý nếu có |  |  |
| 14. \* Khẳng định khách hàng hiểu những hướng dẫn liên quan đến chăm sóc sau thủ thuật |  |  |

**Kết quả Đánh giá Năng lực Người cung cấp Dịch vụ**

**Đính kèm Bảng kiểm Đánh giá Năng lực nếu nhân viên bị xếp loại 2**

**\* Đính kèm Bảng kiểm Đánh giá Năng lực nếu nhân viên bị xếp ở Loại2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Dịch vụ được đánh giá: tháo DCTC chứa đồng/DCTC giải phóng Levonorgestrel** | **Đánh dấu vào dòng thích hợp** |
| **Loại 1**   * Hoàn thành chính xác tất cả các bước * Có đủ năng lực để cung cấp dịch vụ này một cách độc lập, cần thường xuyên đánh giá lại |  |
| **Loại 2 \***   * Bỏ qua ít nhất một bước * Không thể cung cấp dịch vụ này một cách độc lập. Chỉ được phép cung cấp dịch vụ này dưới sự giám sát của người phụ trách lâm sàng có năng lực cho đến khi được cán bộ lâm sàng xác định đủ năng lực để cung cấp dịch vụ này |  |
| Các quan sát khác | |
| Hành động cụ thể cần thực hiện để đạt được/duy trì năng lực | |
| Họ tên người được đánh giá: | Chữ ký |
| Họ tên người đánh giá | Chữ ký |
| Ngày đánh giá | Địa điểm đánh giá |

## Phụ lục 6: Mẫu phiếu khách hàng đặt DCTC chứa đồng/DCTC giải phóng Levonorgestrel

**Mặt trước của phiếu**

**Phiếu theo dõi khách hàng**

Họ tên:

Kỳ kinh cuối:

Loại DCTC đã đặt:

Ngày đặt DCTC:

Họ tên và chữ ký Người cung cấp dịch vụ:

Dự kiến ngày tháo hoặc thay DCTC:

Nếu có vấn đề hoặc câu hỏi gì, vui lòng liên hệ (tên, địa chỉ cơ sở cung cấp dịch vụ gần nhất):

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Mặt sau của phiếu theo dõi khách hàng**

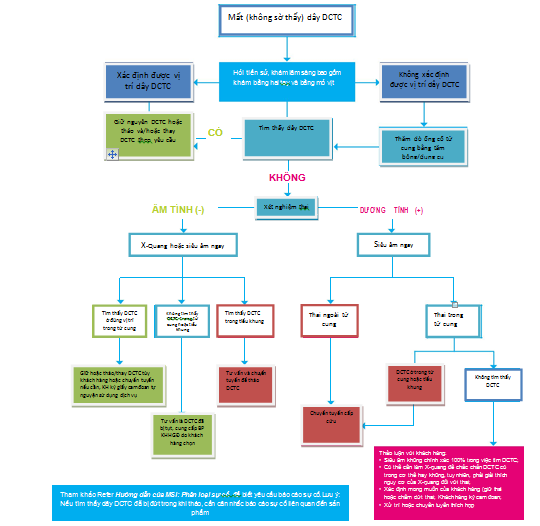
**Khách hàng tái khám**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày | Lý do/  Phàn nàn | Lời khuyên/điều trị/xử trí đã thực hiện | Chữ ký NCCDV |
|  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Hãy trở lại cơ sở cung cấp dịch vụ ngay nếu bạn có bất kể dấu hiệu cảnh báo nào dưới đây:**

* Vấn đề về kinh nguyệt: kinh nguyệt gây khó chịu hoặc trễ kinh/vô kinh có thể là dấu hiệu mang thai
* Đau dụng dưới dữ dội từ ngày 3 đến ngày 5 sau khi đặt DCTC
* Ra máu bất thường, đau bụng khi ra máu
* Sức khỏe bất ổn: sốt, ớn lạnh, dịch tiết âm đạo bất thường, đau bụng dưới
* Vấn đề liên quan đến dây DCTC: không thấy dây, bạn hoặc bạn tình của bạn cảm nhận được thân của DCTC

## Phụ lục 7: Sơ đồ xử trí khi không thấy dây DCTC



*`Nguồn: Trường Cao đẳng Sản-Phụ khoa, Mỹ (2016)*

## Phụ lục 8: Các loại DCTC chứa Levonorgestrel

|  | **Mirena/generic** | **Kyleena** | **Skyla/Jaydess** | **Liletta/Levosert/ Avibela** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thời gian có hiệu quả tránh thai | 5 năm | 5 năm | 3 năm | 3 năm (đăng ký 4 năm ở một số quốc gia. Nếu áp dụng ở quốc gia của bạn, hãy trao đổi với Đội Phát triển Dịch vụ Y tế |
| Hàm lượng | 52 mg Levonorgestreil – giải phóng khoảng 20mcg/ngày, giảm còn khoảng 10mcg trong 5 năm | 19,5 mg Levonorgestrel – giải phóng khoảng 9 mcg/ngày trong thời gian 5 năm | 13,5 mg Levonorgestrel – giải phóng khoảng 6 mcg/ngày trong thời gian 3 năm | 52 mg Levonorgestrel – giải phóng khoảng 15,4  mcg/ngày trong thời gian 4 năm |
| **Cản tia X** | Có | Có | Có | Có |
| **Thân** | Thân hình chữ T dài 32 mm toàn thân chiều dọc và cành ngang  An toàn với chụp hình cộng hưởng từ trường (MRI) | Thân hình chữ T, cành ngang dài 28mm x 30 mm  Một vòng bạc nhỏ ở trên thân chiều dọc (có thể nhìn thấy trên hình ảnh siêu âm)  Vòng bạc làm cho DCTC an toàn với MRI | Thân hình chữ T, cành ngang dài 28mm  x 30 mm  Một vòng bạc nhỏ ở trên thân chiều dọc (có thể nhìn thấy trên hình ảnh siêu âm)  Vòng bạc làm cho DCTC an toàn với MRI | Thân hình chữ T dài 32 mm toàn thân chiều dọc và cành ngang  An toàn với MRI |
| **Đường kính ống đặt** | 4,4mm | 3,8 mm | 3,8 mm | 4,8 mm |
| **Siêu âm** | Không thấy vòng bạc | Thấy vòng bạc quấn quanh thân chữ T | Thấy vòng bạc quấn quanh thân chữ T | Không thấy vòng bạc |
| **Dây** | Màu nâu | Màu xanh | Màu nâu | Màu xanh |
| **Chỉ định** | * Đặt trong tử cung * Điều trị những những trường hợp đa kinh * Bảo vệ nội mạc tử cung trong liệu pháp thay thế hormon (HRT) | * Đặt trong tử cung | * Đặt trong tử cung | * Đặt trong tử cung * Bảo vệ nội mạc tử cung trong liệu pháp thay thế hormon |
| **Lợi ích** | * Hiệu quả tránh thai lâu dài (tỷ lệ thất bại: <1/100) * Có tác dụng tránh thai đến 5 năm * Là BPTT có hồi phục * Không phải sử dụng hàng ngày * Không chứa oestrogen * Có thể điều trị những trường hợp đa kinh | * Hiệu quả tránh thai lâu dài (tỷ lệ thất bại: <1/100) * Có tác dụng tránh thai đến 5 năm * Là BPTT có hồi phục * Không phải sử dụng hàng ngày * Không chứa oestrogen | * Hiệu quả tránh thai lâu dài (tỷ lệ thất bại: <1/100) * Có tác dụng tránh thai đến 3 năm * Là BPTT có hồi phục * Không phải sử dụng hàng ngày * Không chứa oestrogen | Như Mirena |
| **Đặt và tháo** | As per sections 3.0 and  5.0 of guidelines  Using a one handed  inserter | Như Mirena | Như Mirena | Insertion different to  Mirena. Similar to Cu  T380A  Using a two-handed  inserter  Removal as Mirena |
| **Theo dõi** | 3-6 tuần. tuy nhiên, không phải là thiết yếu | Như Mirena | Như Mirena | Như Mirena |
| **Chống chỉ định và tai biến** | Theo hướng dẫn (Phụ lục 2a và 3) | Như Mirena | Như Mirena | Như Mirena |
| **Tác dụng ngoại ý** | Theo hướng dẫn (mục 4.1.1) | Như Mirena | Như Mirena | Như Mirena |
| **Sau sinh và sau sẩy thai/nạo phá thay (thai < 24 tuần)** | Dưới 48 giờ hoặc sau 4 tuần sau sinh  Sau khi toàn bộ tổ chức thai được xác định đã sẩy hoàn toàn trong trường hợp sau nạo phá thai/sẩy thai | Như Mirena | Như Mirena | Như Mirena |
| **Công ty** | Bayer/generic | Bayer | Bayer | Allergan  Gedeon Richter UK  Medicines360 |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# Tài liệu tham khảo

* Allergan (2017). *Highlights of prescribing information – Liletta*. Accessed at: <https://www.allergan.com/assets/pdf/liletta_pi>

Allergan (2017). *Những điểm đáng chú ý của thông tin mô tả – Liletta*. Truy cập: <https://www.allergan.com/assets/pdf/liletta_pi>

* Allergan (2016). *Liletta insertion refresher sheet*. Accessed at: https://www.lilettahcp.com/Content/pdfs/SHI\_Refresher\_Sheet.pdf

Allergan (2016). *Liletta – Tờ thông tin về đặt DCTC*. Truy cập: https://www.lilettahcp.com/Content/pdfs/SHI\_Refresher\_Sheet.pdf

* American College of Obstetricians and Gynecologists (2016). *Clinical Challenges of Long-Acting Reversible Contraceptive Methods.* Committee Opinion: Number 672, September 2016.

Trường Cao đẳng Sản Phụ Khoa (2016). *Thách thức lâm sàng của các BPTT dài hạn có hồi phục.* Ý kiến của Hội đồng: số 672, tháng 9 năm 2016.

* Bayer (2018). *Highlights of prescribing information – Kyleena*. Accessed at: http://labeling.bayerhealthcare.com/html/products/pi/ Kyleena\_PI.pdf

Bayer (2018). *Những điểm đáng chú ý của thông tin mô tả – Kyleena*. Truy cập: http://labeling.bayerhealthcare.com/html/products/pi/ Kyleena\_PI.pdf

* Bayer (2018). *Highlights of prescribing information – Skyla*. Accessed at: https://labeling.bayerhealthcare.com/html/products/pi/ Skyla\_PI.pdf

Bayer (2018). *Những điểm đáng chú ý của thông tin mô tả – Skyla*. Truy cập: https://labeling.bayerhealthcare.com/html/products/pi/ Skyla\_PI.pdf

* Costescu, D. J. (2016). Levonorgestrel-releasing intrauterine systems for long-acting contraception: current perspectives, safety, and patient counseling. *International journal of women’s health, 8*, 589.

Costescu, D. J. (2016). Dụng cụ tử cung giải phóng Levonorgestrel với mục tiêu tránh thai dài hạn: các quan điểm hiện nay, tính an toàn, và tư vấn khách hàng. *Tạp chí quốc tế về sức khỏe phụ nữ, 8*, 589.

* eMC (2018). *Kyleena 19.5 mg intrauterine delivery system – summary of product characteristics.* Accessed at https://www.medicines.org.uk/emc/product/769

eMC (2018). *DCTC Kyleena chứa 19,5 mg Levonorgestrel – tóm tắt đặc tính sản phẩm.* Truy cập: https://www.medicines.org.uk/emc/product/769

* eMC (2018). Levosert 20 micrograms/24 hours IDS – summary of product characteristics. Accessed at: https://www.medicines.org. uk/emc/product/1789

eMC (2018). DCTC giải phóng 20mcg Levosert/24 giờ – Tóm tắt đặc tính sản phẩm. Truy cập: https://www.medicines.org. uk/emc/product/1789

* eMC (2018). *Mirena – summary of product characteristics*. Accessed at: https://www.medicines.org.uk/emc/product/1132

eMC (2018). *Mirena – Tóm tắt đặc tính sản phẩm*. Truy cập: https://www.medicines.org.uk/emc/product/1132

* eMC (2017). *Jaydess 13.5 mg intrauterine delivery system – summary of product characteristics.*

Accessed at https://www.medicines.org.uk/emc/product/5297

eMC (2017). *DCTC Jaydess (13.5 mg) – Tóm tắt đặc tính sản phẩm*. Truy cập: https://www.medicines.org.uk/emc/product/5297

* Faculty of Sexual and Reproductive Health (2018). CEU new product review: *Kyleena*®. Accessed at: https://www.fsrh.org/news/fsrh-ceu-new-product-review-kyleena-195mg-levonorgestrel/
* Faculty of Sexual and Reproductive Health (2018). CEU new product review: *Kyleena*®. Accessed at: https://www.fsrh.org/news/fsrh-ceu-new-product-review-kyleena-195mg-levonorgestrel/

Khoa Sức khỏe Tình dục và Sức khỏe Sinh sản (2017). *Tuyên bố của CEU về quyết định của NICE không cập nhật Hướng dẫn các BPTT dài hạn có hồi phục.* Truy cập https://www.fsrh.org/standards-and- guidance/documents/fsrh-ceu-statement-regarding-the-decision-of-nice-not-to-update/

* Faculty of Sexual and Reproductive Health (2018). CEU new product review: *Kyleena*®. Accessed at: https://www.fsrh.org/news/fsrh-ceu-new-product-review-kyleena-195mg-levonorgestrel/

Khoa Sức khỏe Tình dục và Sức khỏe Sinh sản (2016). *UKMEC*. Truy cập: https://www.fsrh.org/standards-and-guidance/external/ukmec-2016-digital-version/

* Faculty of Sexual and Reproductive Health (2018). *CEU new product review: Levosert*®. Accessed at:https://www.fsrh.org/ documents/new-product-review-levosert-intrauterine-delivery-system- april/levosert-new-product-review-fsrh-updated-feb-2018-.pdf

Khoa Sức khỏe Tình dục và Sức khỏe Sinh sản (2018). *Đánh giá sản phẩm mới của CEU: Levosert*®. Truy cập: at:https://www.fsrh.org/ documents/new-product-review-levosert-intrauterine-delivery-system- april/levosert-new-product-review-fsrh-updated-feb-2018-.pdf

* Faculty of Sexual and Reproductive Health (2018). *New Product Review: Levosert intrauterine delivery system April 2015 (updated 12 February 2018)*. Accessed at: <https://www.fsrh.org/documents/new-product-review-levosert-intrauterine-delivery-system-april/levosert-new-product-review-fsrh-updated-feb-2018-.pdf+&cd=3&hl=en&ct=clnk&gl=uk>

Khoa Sức khỏe Tình dục và Sức khỏe Sinh sản (2018). *Đánh giá sản phẩm mới: DCTC chứa Levosert, tháng 4 năm 2015 (cập nhật ngày 12 tháng 2 năm 2018.* Truy cập*:* https://www.fsrh.org/documents/new-product-review-levosert-intrauterine-delivery-system-april/levosert-new-product-review-fsrh-updated-feb-2018-.pdf+&cd=3&hl=en&ct=clnk&gl=uk

* Faculty of Sexual and Reproductive Health (2015). *Intrauterine Contraception*. Accessed at: http://file:///C:/Users/stewartr/Downloads/ceuguidanceintrauterinecontraception%20(3).pdf

Khoa Sức khỏe Tình dục và Sức khỏe Sinh sản (2015). *DCTC*. Truy cập: http://file:///C:/Users/stewartr/Downloads/ceuguidanceintrauterinecontraception%20(3).pdf

* FHI360 (2015). *Checklist for Screening Clients Who Want to Initiate Use of the Copper IUD.* Accessed at: https://www.fhi360.org/sites/default/files/media/documents/checklist-iud-english.pdf

FHI360 (2015). *Bảng kiểm sàng lọc khách hàng muốn sử dụng DCTC chứa đồng.* Truy cập: https://www.fhi360.org/sites/default/files/media/documents/checklist-iud-english.pdf

* FHI360 (2017). *Checklist for Screening Clients Who Want to Initiate Use of the LNG-IUS*. Accessed at: https://www.k4health.org/sites/ default/files/resource-checklists-screening-clients-who-want- initiate- use-lng-ius-english-2017.pdf

FHI360 (2017). *Bảng kiểm sàng lọc khách hàng muốn sử dụng DCTC giải phóng Levonorgestrel*. Truy cập: https://www.k4health.org/sites/ default/files/resource-checklists-screening-clients-who-want- initiate- use-lng-ius-english-2017.pdf

* Marie Stopes International (2018). *GSC international order form (IOF) for standard products.* Internal document.

Marie Stopes International (2018). *Mẫu đặt hàng cho các sản phẩm tiêu chuẩn – gửi Chuỗi Cung ứng Toàn cầu.* Tài liệu lưu hành nội bộ.

* Medscape (2015). *Intrauterine device insertion*. Accessed at: https://emedicine.medscape.com/article/1998022-overview

Medscape (2015). *Đặt DCTC*. Truy cập: https://emedicine.medscape.com/article/1998022-overview

* USAID Maternal and Child Survival Program (2017). *Providing long-acting reversible contraception (LARC) learning resource* *package*. Accessed at: [https://www.mcsprogram.org/resource/providing- long-acting-reversible-contraception-larc-learning-resource-package/](https://www.mcsprogram.org/resource/providing-%20long-acting-reversible-contraception-larc-learning-resource-package/)

Chương trình Chăm sóc Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (2017). *Cung cấp gói tài liệu học tập về các BPTT dài hạn có hồi phục*. Truy cập: https://www.mcsprogram.org/resource/providing- long-acting-reversible-contraception-larc-learning-resource-package/

* WHO (2018). *Family planning: a global handbook for providers.* Accessed at: http://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/260156/9780999203705-%20 engpdf;jsessionid=772A0B4E214AEB2AD90D9C1AB52455B0?sequence=1

Tổ chức Y tế Thế giới (2018). *Kế hoạch hóa gia đình (KHHGĐ): Cẩm nang dành cho NCCDV toàn cầu.* Truy cập: http://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/260156/9780999203705-%20 engpdf;jsessionid=772A0B4E214AEB2AD90D9C1AB52455B0?sequence=1

* WHO (2015). *Medical eligibility criteria for contraceptive use*. Accessed at: http://www.who.int/reproductivehealth/publications/family\_planning/MEC-5/en/

Tổ chức Y tế Thế giới (2015). *Tiêu chí y tế để sử dụng BPTT*. Truy cập: http://www.who.int/reproductivehealth/publications/family\_planning/MEC-5/en/

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Marie Stopes** | **T** +44 (0)20 7636 6200 | **Số đăng ký tổ chức từ thiện.** |
| **International** | **F** +44 (0)20 7034 2369 | 265543 |
| 1 Conway Street |  |  |
| Fitzroy Square | info@mariestopes.org | Mã số tổ chức |
| London W1T 6LP | www.mariestopes.org | 1102208 |
| United Kingdom |  |  |